

THÔNG BÁO

V/v công khai danh sách học sinh được phê duyệt hưởng chính sách hỗ trợ theo quy định tại Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ năm học 2025-2026

Căn cứ Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách;

Căn cứ Quyết định số 29/2025/QĐ-UBND ngày 09/10/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi Quy định địa bàn, khoảng cách làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày; danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân và học phẩm cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú, cơ sở giáo dục phổ thông được cấp có thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ giáo dục học sinh dân tộc nội trú theo quy định tại Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 03 năm 2025 của Chính phủ áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 252/QĐ-UBND ngày 05/12/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt danh sách học sinh bán trú, học viên bán trú được hưởng chính sách hỗ trợ theo quy định tại Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ của các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo năm học 2025-2026;

Thực hiện quy định tại điểm b khoản 3 Điều 9 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ. Trường THCS và THPT Phạm Kiệt thông báo công khai phê duyệt danh sách học sinh bán trú, học viên bán trú được hưởng chính sách hỗ trợ theo quy định tại Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ của các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo năm học 2025-2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi cụ thể như sau:

I. Nội dung công khai:

Trường THCS và THPT Phạm Kiệt công khai Quyết định số 252/QĐ-UBND ngày 5/12/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt danh sách học sinh bán trú, học viên bán trú được hưởng chính sách hỗ trợ theo quy định tại Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ của các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo năm học 2025-2026 (có Quyết định kèm theo).

II. Hình thức công khai:

- Công khai trên Cổng thông tin điện tử (Website trường); Zalo trường, Zalo các lớp Trường THCS và THPT Phạm Kiệt;
- Niêm yết tại bảng tin trường THCS và THPT Phạm Kiệt;



Trường THCS và THPT Phạm Kiệt trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Niêm yết bảng tin;
- GVCN;
- Công TTĐT Trường;
- Lưu: KT, VT.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Văn Bình



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**
Số: 252 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Quảng Ngãi, ngày 05 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh sách học sinh bán trú, học viên bán trú được hưởng chính sách hỗ trợ theo quy định tại Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ của các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo năm học 2025-2026

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ Quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách;

Căn cứ Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách;

Căn cứ Quyết định số 29/2025/QĐ-UBND ngày 09/10/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc Quy định địa bàn, khoảng cách làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày; danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân và học phẩm cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú, cơ sở giáo dục phổ thông được cấp có thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ giáo dục học sinh dân tộc nội trú theo quy định tại Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Xét đề nghị của Sở Giáo dục và Đào tạo tại Báo cáo số 335/BC-SGDDT ngày 31/10/2025 và Sở Tài chính tại Tờ trình số 70/TTr-STC ngày 15/11/2025 về việc phê duyệt danh sách học sinh bán trú, học viên bán trú được hưởng chính sách hỗ trợ theo quy định tại Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ của các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo năm học 2025-2026, ý kiến thống nhất của tập thể UBND tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách học sinh bán trú, học viên bán trú trên địa bàn tỉnh được hưởng chính sách hỗ trợ tiền ăn, tiền nhà ở và gạo năm học 2025-2026 theo quy định tại Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số

và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách, cụ thể như sau:

1. Các đơn vị và số lượng học sinh, học viên bán trú được hưởng chính sách hỗ trợ tiền ăn, tiền ở và gạo (*Chi tiết theo phụ lục I và Phụ lục II đính kèm*).

2. Thời gian thực hiện chính sách: Năm học 2025-2026 (9 tháng, từ tháng 9/2025 đến tháng 5 /2026).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm về tính chính xác, đủ điều kiện thụ hưởng chính sách đối với số lượng học sinh đã đề xuất.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài chính căn cứ chức năng, nhiệm vụ hướng dẫn các trường triển khai, thực hiện việc chi trả chính sách hỗ trợ cho học sinh theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính; Hiệu trưởng các trường: Trung học phổ thông, Phổ thông Dân tộc nội trú; Giám đốc các trung tâm: Giáo dục thường xuyên, Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên; Thủ trưởng các Sở, ban ngành và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Tài chính;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP, KTTH;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX.PTT928

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Y Ngọc

Phụ lục I



DANH SÁCH HỌC SINH CHÍNH SÁCH HỌC SINH BÁN TRÚ, HỌC VIÊN BÁN TRÚ DƯỠC HỖ TRỢ TIỀN AN, TIỀN AN VÀ CÁC NĂM HỌC 2025-2026 CỦA CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

(Kèm theo Quyết định số 252/QĐ-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

ĐVT: Đồng

TT	Tên cơ sở giáo dục	Số lượng HS bán trú, HV bán trú	Số tháng hỗ trợ	Tổng số tiền ăn được hỗ trợ/năm (Đồng)	Tổng số tiền ở được hỗ trợ/năm (Đồng)	Tổng số gạo được hỗ trợ/năm (Kg) (Đồng)	Ghi chú
1	Trường THPT Phạm Kiệt	389	9	3.276.936.000	1.153.440.000	52.515	
2	Trường THPT Ba Tư	678	9	5.711.472.000	2.089.800.000	91.530	
3	Trường THPT số 2 Nghĩa Hành	11	9	92.664.000	35.640.000	1.485	
4	Trường THPT Minh Long	48	9	404.352.000	16.200.000	6.480	
5	Trường THPT Đinh Tiên Hoàng	536	9	4.515.264.000	1.409.400.000	72.360	
6	Trường THPT Sơn Hà	501	9	4.220.424.000	1.341.360.000	67.635	
7	Trường THPT Quang Trung	388	9	3.268.512.000	1.257.120.000	52.380	
8	Trường THCS và THPT Phạm Kiệt	688	9	5.795.712.000	2.118.960.000	92.880	
9	Trường THPT Tây Trà	475	9	4.001.400.000	709.560.000	64.125	
10	Trường THPT Trà Bồng	528	9	4.447.872.000	1.568.160.000	71.280	

TT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Nơi thường trú: Thôn (xã trước khi sáp nhập), Xã mới, Quảng Ngãi	Đổi tượng hưởng		Ở bán trú trong trường (1)	Tiền án Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Tiền ở Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ/tháng (kg)	Số tháng	Tiền án Được hỗ trợ/Năm (Đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/ năm (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /năm (kg)	Chi Chủ
							Nhà ở xa trường (1)	nhà ở Địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn (1)	Con hộ nghèo (1)								
675	Đinh Thị Hên	x	10/10/2008	12C5	Hrê	Thôn Ka Khu, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
676	Đinh Văn Hoàng		02/10/2008	12C5	Hrê	Thôn Bồ Nùng, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
677	Đinh Thị Hôn	x	01/06/2008	12C5	Hrê	Thôn Bồ Nùng, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
678	Đinh Văn Hưng		23/06/2008	12C5	Hrê	Thôn Bồ Nùng, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
679	Đinh Thị Minh Khuyên	x	20/05/2008	12C5	Hrê	Thôn Tà Bàn, (Xã Sơn Thủy) Xã Sơn Thủy		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
680	Đinh Thị Linh	x	09/01/2008	12C5	Hrê	Thôn Làng Rành, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
681	Đinh Thị Lon	x	03/09/2008	12C5	Hrê	Thôn Tà Com, (Xã Sơn Thủy) Xã Sơn Thủy		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
682	Đinh Văn Minh		27/02/2008	12C5	Hrê	Thôn Nước Lác, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
683	Đinh Thị Uyên Nhi	x	11/12/2008	12C5	Hrê	Thôn Tà Com, (Xã Sơn Thủy) Xã Sơn Thủy		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
684	Đinh Thị Thủy Nỳ	x	08/06/2008	12C5	Hrê	Thôn Làng Rành, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
685	Đinh Văn Túc		15/08/2008	12C5	Hrê	Thôn Di Hoàng, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
686	Đinh Thị Ngọc Vi	x	21/06/2008	12C5	Hrê	Thôn Nước Lác, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
687	Đinh Văn Vĩ		28/08/2008	12C5	Hrê	Thôn Bồ Nùng, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
688	Đinh Thị Vội	x	09/01/2008	12C5	Hrê	Thôn Nước Lác, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
9	Trưởng THPT Tây Trà (475 học sinh)						441	34	256	936.000	360.000	15	9	4.001.400.000	709.560.000	64.125	
1	Hồ Văn Đăng		29/03/2010	10C1	Co	Thôn Trà Huỳnh (Xã Hương Trà), Xã Tây Trà Bồng	1		1	936.000		15	9	8.424.000	-	135	
2	Hồ Văn Khoa		08/04/2010	10C1	Co	Thôn Trà Huỳnh (Xã Hương Trà), Xã Tây Trà Bồng	1		1	936.000		15	9	8.424.000	-	135	
3	Hồ Thị Trúc	x	06/06/2010	10C1	Co	Thôn Ca Đàm (Xã Hương Trà), Xã Tây Trà Bồng	1		1	936.000		15	9	8.424.000	-	135	
4	Hồ Trung Diệp		16/05/2010	10C1	Co	Thôn Trà Huỳnh (Xã Hương Trà), Xã Tây Trà Bồng	1		1	936.000		15	9	8.424.000	-	135	
5	Hồ Thị Trang	x	16/06/2010	10C1	Co	Thôn Gò (Xã Trà Thanh), Xã Thanh Bồng	1		1	936.000		15	9	8.424.000	-	135	
6	Hồ Thị Thanh Nhiên	x	10/12/2010	10C1	Co	Thôn Sơn (Xã Sơn Trà), Xã Tây Trà			1	936.000		15	9	8.424.000	-	135	

TT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Nơi thường trú: Thôn (xã trước khi sáp nhập), Xã mới, Quảng Ngãi	Đối tượng hưởng		Ở bán trú trong trường (1)	Tiền án Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Tiền ở Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /tháng (kg)	Số tháng	Tiền án Được hỗ trợ/Năm (Đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/năm (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /năm (kg)	Ghi Chú
							Nhà ở xã trường (1)	nhà ở Địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn (1)									
654	Đinh Thị Kính	x	15/9/2008	12C4	Hrê	Thôn Tà Bi, (Xã Sơn Thủy), Xã Sơn Thủy		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
655	Đinh Văn Lâm		25/6/2008	12C4	Hrê	Thôn Làng Lành, (Xã Sơn Hải) Xã Sơn Thủy		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
656	Phạm Thị Linh	x	06/4/2008	12C4	Hrê	Thôn Mỏ O, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
657	Đinh Chi Minh		18/03/2008	12C4	Hrê	Thôn Bò Nung, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
658	Đinh Đông Minh		23/7/2008	12C4	Hrê	Thôn Làng Già, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
659	Đinh Thị Hà Mỹ	x	24/9/2008	12C4	Hrê	Thôn Làng Rành, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
660	Đinh Hoàng Phú		07/4/2008	12C4	Hrê	Thôn Kà Khu, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
661	Đinh Văn Sách		04/11/2008	12C4	Hrê	Thôn Tà Com, (Xã Sơn Thủy) Xã Sơn Thủy		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
662	Đinh Văn Seng		20/10/2008	12C4	Hrê	Thôn Mỏ O, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
663	Đinh Văn Su		26/8/2007	12C4	Hrê	Thôn Làng Tráng, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
664	Đinh Thị Thích	x	01/3/2008	12C4	Hrê	Thôn Bò Nung, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
665	Đinh Văn Thiểu		26/2/2008	12C4	Hrê	Thôn Già Gỏi, (Xã Sơn Thủy), Xã Sơn Thủy		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
666	Đinh Thị Thông	x	03/11/2008	12C4	Hrê	Thôn Già Gỏi, (Xã Sơn Thủy), Xã Sơn Thủy		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
667	Đinh Xuân Thuận		01/11/2008	12C4	Hrê	Thôn Tà Bi, (Xã Sơn Thủy), Xã Sơn Thủy		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
668	Đinh Thị Thủy Trang	x	06/7/2008	12C4	Hrê	Thôn Làng Rành, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
669	Đinh Văn Trường	x	20/11/2008	12C4	Hrê	Thôn Gò Răng, (Xã Sơn Thượng) Xã Sơn Hà	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
670	Đinh Thị Vũ	x	20/1/2008	12C4	Hrê	Thôn Tà Com, (Xã Sơn Thủy) Xã Sơn Thủy		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
671	Đinh Thị Y	x	01/01/2008	12C4	Hrê	Thôn Mỏ Nức, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
672	Đinh Thị Út Âu	x	20/10/2008	12C5	Hrê	Thôn Tà Bi, (Xã Sơn Thủy), Xã Sơn Thủy		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
673	Đinh Lý Bảo		05/09/2008	12C5	Hrê	Thôn Đông Sa, (Xã Sơn Cao) Xã Sơn Linh	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
674	Đinh Thị Hằng	x	18/02/2008	12C5	Hrê	Thôn Mỏ O, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	

TT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Nơi thường trú: Thôn (xã trước khi sáp nhập), Xã mới, Quang Ngải	Đổi tương hướng		Ở bán trú trong trường (1)	Tiền ăn Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Tiền ở Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /tháng (kg)	Số tháng	Tiền ăn Được hỗ trợ/Năm (Đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/năm (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /năm (kg)	Ghi chú
							Nhà ở xa trường (1)	nhà ở Địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn (1)									
633	Đinh Văn Khánh		29/01/2008	12C3	Hrê	Thôn Mỏ O, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
634	Đinh Tuấn Kiệt		21/03/2008	12C3	Hrê	Thôn Làng Tráng, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
635	Đinh Thị Mỹ Luật	x	29/05/2008	12C3	Hrê	Thôn Tà Bàn, (Xã Sơn Thủy) Xã Sơn Thủy		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
636	Đinh Thị Min	x	25/03/2008	12C3	Hrê	Thôn Làng Tráng, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
637	Đinh Thị My	x	28/12/2008	12C3	Hrê	Thôn Mỏ O, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
638	Đinh Thị Sa Ly Na	x	20/01/2008	12C3	Hrê	Thôn Tà Bàn, (Xã Sơn Thủy) Xã Sơn Thủy		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
639	Đinh Thị Nguyệt	x	01/08/2008	12C3	Hrê	Thôn Bồ Nưng, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
640	Đinh Thị Nhi	x	14/12/2008	12C3	Hrê	Thôn Bồ Nưng, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
641	Đinh Thị Ny	x	09/10/2008	12C3	Hrê	Thôn Mỏ O, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
642	Đinh Văn Sóc		10/01/2008	12C3	Hrê	Thôn Di Hoàng, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
643	Đinh Văn Tèo		27/01/2008	12C3	Hrê	Thôn Làng Già, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
644	Đinh Thị Thủy Thùy	x	08/01/2008	12C3	Hrê	Thôn Bồ Nưng, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
645	A Triều		05/04/2007	12C3	Xơ Đăng	Thôn Mỏ Níc, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1	1	936.000		15	9	8.424.000	-	135	
646	Đinh Văn Vĩ		08/11/2008	12C3	Hrê	Thôn Bồ Nưng, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
647	Đinh Thị Vũ	x	30/07/2008	12C3	Hrê	Thôn Tà Bàn, (Xã Sơn Thủy) Xã Sơn Thủy		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
648	Đinh Văn Vũ		01/01/2008	12C3	Hrê	Thôn Mỏ Níc, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1	1	936.000		15	9	8.424.000	-	135	
649	Đinh Thị Ang	x	30/11/2008	12C4	Hrê	Thôn Mỏ O, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
650	Đinh Thị Chang	x	29/01/2008	12C4	Hrê	Thôn Tà Bàn, (Xã Sơn Thủy) Xã Sơn Thủy		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
651	Đinh Thị Chiêu	x	24/11/2008	12C4	Hrê	Thôn Làng Già, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
652	Đinh Quang Huy		27/9/2008	12C4	Hrê	Thôn Làng Già, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
653	Đinh Đăng Kha		18/5/2008	12C4	Hrê	Thôn Tà Bàn, (Xã Sơn Thủy) Xã Sơn Thủy				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	

TT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Nơi thường trú: Thôn (xã trước khi sáp nhập), Xã mới, Quảng Ngãi	Đối tượng hưởng		Con hộ nghèo (l)	Ở bán trú trong trường (l)	Tiền án Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Tiền ở Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /tháng (kg)	Số tháng	Tiền án Được hỗ trợ/Năm (Đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/năm (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /năm (kg)	Ghi Chú
							Nhà ở xa trường (l)	nhà ở địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn (l)										
612	Đinh Cuộc Khao		04/11/2008	12C2	Hrê	Thôn Tà Bả, (Xã Sơn Thủy) Xã Sơn Thủy		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
613	Đinh Thị Nhi Khoa	x	14/01/2008	12C2	Hrê	Thôn Tà Bả, (Xã Sơn Thủy) Xã Sơn Thủy		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
614	Đinh Thị Kim	x	22/10/2008	12C2	Hrê	Thôn Tà Bả, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1	1		936.000		15	9	8.424.000		135	
615	Đinh Thị Ly Ly	x	30/03/2008	12C2	Hrê	Thôn Làng Già, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
616	Đinh Thị Ly Me	x	20/12/2007	12C2	Hrê	Thôn Bỏ Nung, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
617	Đinh Thị Ngân	x	20/12/2008	12C2	Hrê	Thôn Nước Lác, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
618	Đinh Thị Nhỏ	x	30/12/2008	12C2	Hrê	Thôn Di Hoàng, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
619	Đinh Thị Như	x	15/03/2008	12C2	Hrê	Thôn Tà Bả, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
620	Đinh Minh Phải		30/04/2008	12C2	Hrê	Thôn Tà Bi, (Xã Sơn Thủy) Xã Sơn Thủy		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
621	Đinh Văn Séc		05/10/2006	12C2	Hrê	Thôn Gò Đa, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ		1	1		936.000		15	9	8.424.000		135	
622	Đinh Thị Thanh	x	06/01/2008	12C2	Hrê	Thôn Bỏ Nung, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
623	Đinh Thị Thảo	x	04/12/2008	12C2	Hrê	Thôn Làng Già, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
624	Đinh Quang Thắng		04/02/2008	12C2	Hrê	Thôn Tà Bi, (Xã Sơn Thủy) Xã Sơn Thủy		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
625	Đinh Văn Thường		12/09/2008	12C2	Hrê	Thôn Bỏ Nung, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
626	Đinh Thị Minh Trang	x	30/12/2008	12C2	Hrê	Thôn Kà Khu, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
627	Đinh Thị Tuế	x	05/04/2008	12C2	Hrê	Thôn Mỏ O, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
628	Đinh Văn Tung		04/02/2008	12C2	Hrê	Thôn Làng Già, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
629	Đinh Văn Hoàng		01/03/2008	12C3	Hrê	Thôn Làng Già, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
630	Đinh Văn Hơ		29/02/2008	12C3	Hrê	Thôn Làng Già, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
631	Đinh Văn Hua		10/08/2008	12C3	Hrê	Thôn Làng Tráng, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
632	Đinh Nhật Huy		23/10/2008	12C3	Hrê	Thôn Làng Rành, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ					936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	

TT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Nơi thường trú: Thôn (xã trước khi sắp nhập), Xã mới, Quảng Ngãi	Đổi tượng hưởng		Ở bán trú trong trường (1)	Tiền ăn Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Tiền ở Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /tháng (kg)	Số tháng	Tiền ăn Được hỗ trợ/Năm (Đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/năm (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /năm (kg)	Ghi chú
							Nhà ở xa trường (1)	nhà ở Địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn (1)									
591	Đinh Thị Hai	x	08/05/2008	12C1	Hrê	Thôn Làng Rạnh, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
592	Đinh Thị Hân	x	01/01/2008	12C1	Hrê	Thôn Kà Khu, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
593	Đinh Thị Kim	x	04/10/2008	12C1	Hrê	Thôn Làng Bung, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
594	Đinh Thị Mai Lan	x	22/01/2008	12C1	Hrê	Thôn Làng Già, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
595	Đinh Thị A Na	x	20/10/2008	12C1	Hrê	Thôn Làng Bung, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
596	Đinh Thị Ngọc	x	12/02/2008	12C1	Hrê	Thôn Mỏ O, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
597	Đinh Thị Nhung	x	29/01/2008	12C1	Hrê	Thôn Máng Trầy (Xã Sơn Ba), Xã Sơn Kỳ, Tay Hà	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
598	Đinh Thị Thanh Trúc	x	27/12/2008	12C1	Hrê	Thôn Tà Bàn, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
599	Đinh Thị Tỷ	x	18/04/2008	12C1	Hrê	Thôn Làng Bung, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
600	Đinh Thị Hải Vinh	x	04/04/2008	12C1	Hrê	Thôn Làng Bung, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
601	Đinh Thị Bế	x	03/08/2008	12C2	Hrê	Thôn Làng Rạnh, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
602	Đinh Văn Bí		17/12/2008	12C2	Hrê	Thôn Bỏ Nung, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
603	Đinh Văn Biên		01/12/2008	12C2	Hrê	Thôn Tà Com, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
604	Đinh Thị Chúc	x	14/03/2008	12C2	Hrê	Thôn Bỏ Nung, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
605	Đinh Văn Cư		25/03/2008	12C2	Hrê	Thôn Mỏ O, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
606	Phạm Đình Thủy Diễm	x	10/07/2008	12C2	Hrê	Thôn Di Hoàng, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
607	Đinh Văn Diên		06/02/2008	12C2	Hrê	Thôn Tà Pía, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
608	Đinh Văn Duy		28/04/2008	12C2	Hrê	Thôn Làng Rạnh, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
609	Đinh Nhật Hân		30/05/2008	12C2	Hrê	Thôn Tà Mầu, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
610	Đinh Văn Hân		05/06/2008	12C2	Hrê	Thôn Tà Pía, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
611	Đinh Văn Huy		19/02/2007	12C2	Hrê	Thôn Mỏ O, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	

TT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Nơi thường trú: Thôn (Xã trước khi sắp nhập), Xã mới, Quảng Ngãi	Đổi tượng hướng		Ở bán trú trong trường (l)	Tiền án Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Tiền ở Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /tháng (kg)	Số tháng	Tiền án Được hỗ trợ/Năm (Đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/năm (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /năm (kg)	Ghi Chú
							Nhà ở xa trường (l)	nhà ở Địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn (l)									
570	Đinh Thị Chai	x	07/01/2009	11B7	Hrê	Thôn Tà Com, (Xã Sơn Thủy) Xã Sơn Thủy	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
571	Đinh Thị Chò	x	6/10/2009	11B7	Hrê	Thôn Ká Khu, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
572	Đinh Tấn Đạt		10/12/2009	11B7	Hrê	Thôn Tà Bi, (Xã Sơn Thủy), Xã Sơn Thủy	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
573	Đinh Văn Hậu		23/4/2009	11B7	Hrê	Thôn Lăng Giã, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
574	Đinh Khuyên Hi		14/9/2009	11B7	Hrê	Thôn Tà Bàn, (Xã Sơn Thủy) Xã Sơn Thủy	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
575	Đinh Văn Hiếu		10/5/2009	11B7	Hrê	Thôn Bò Nung, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
576	Đinh Thị Hơ	x	04/02/2009	11B7	Hrê	Thôn Lăng Bung, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
577	Đinh Hoàng Huy		24/02/2009	11B7	Hrê	Thôn Bò Nung, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
578	Đinh Thị Minh Huy	x	01/01/2009	11B7	Hrê	Thôn Tà Bàn, (Xã Sơn Thủy) Xã Sơn Thủy	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
579	Đinh Văn Kiệt		15/12/2008	11B7	Hrê	Thôn Tà Com, (Xã Sơn Thủy) Xã Sơn Thủy	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
580	Đinh Thị Thanh Khuyên	x	16/10/2009	11B7	Hrê	Thôn Tà Bi, (Xã Sơn Thủy), Xã Sơn Thủy	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
581	Đinh Lan Liễu		02/9/2009	11B7	Hrê	Thôn Gò Ráng, (Xã Sơn Thượng) Xã Sơn Hà	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
582	Đinh Thị Ngọc Liễu	x	01/4/2009	11B7	Hrê	Thôn Di Hoàng, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
583	Đinh Thị Trúc Ly	x	8/4/2009	11B7	Hrê	Thôn Tà Com, (Xã Sơn Thủy) Xã Sơn Thủy	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
584	Đinh Thị Trà Mỹ	x	5/5/2009	11B7	Hrê	Thôn Di Hoàng, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
585	Đinh Thị Thủy Nga	x	24/12/2009	11B7	Hrê	Thôn Lăng Ranh, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
586	Đinh Thị Suong	x	9/5/2009	11B7	Hrê	Thôn Lăng Giã, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
587	Đinh Thị Thern	x	26/2/2009	11B7	Hrê	Thôn Gò Đa, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ	1		1	936.000		15	9	8.424.000		135	
588	Đinh Văn Thuộc		18/9/2009	11B7	Hrê	Thôn Mỏ O, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
589	Đinh Văn Tuấn		13/8/2009	11B7	Hrê	Thôn Mỏ Níc, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
590	Đinh Thị Trà Văn	x	14/12/2009	11B7	Hrê	Thôn Lăng Tráng, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	

TT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Nơi thường trú: Thôn (xã trước khi sáp nhập), Xã mới, Quảng Ngãi	Đổi tương hưởng		Ở bán trú trong trường (l)	Tiền án Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Tiền ở Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /tháng (kg)	Số tháng	Tiền án Được hỗ trợ/Năm (Đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/năm (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /năm (kg)	Ghi Chú
							Nhà ở xa trường (l)	nhà ở Địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn (l)									
549	Đinh Thị Hüm	x	21/07/2009	11B6	Hrê	Thôn Mố O, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
550	Đinh Văn Huy		15/11/2009	11B6	Hrê	Thôn Tà Bi, (Xã Sơn Thủy), Xã Sơn Thủy		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
551	Đinh Thị Tra Mỹ	x	20/04/2009	11B6	Hrê	Thôn Ká Khu, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ		1	1	936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
552	Đinh Thị Mỹ	x	25/04/2009	11B6	Hrê	Thôn Ká Khu, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ		1	1	936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
553	Đinh Thảo Nguyệt	x	19/12/2009	11B6	Hrê	Thôn Làng Già, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
554	Đinh Thị Nhi	x	29/01/2009	11B6	Hrê	Thôn Làng Rành, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
555	Đinh Văn Oanh		01/01/2009	11B6	Hrê	Thôn Mố Nic, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
556	Đinh Minh Quan		31/10/2009	11B6	Hrê	Thôn Tà Bi, (Xã Sơn Thủy), Xã Sơn Thủy				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
557	Đinh Thị Sác	x	24/01/2009	11B6	Hrê	Thôn Làng Rành, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
558	Đinh Thị Sim	x	27/02/2009	11B6	Hrê	Thôn Làng Rành, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
559	Đinh Thị Tâm	x	28/02/2009	11B6	Hrê	Thôn Bồ Nung, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
560	Đinh Văn Tèo		05/12/2009	11B6	Hrê	Thôn Bồ Nung, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
561	Đinh Thị Thái	x	07/11/2009	11B6	Hrê	Thôn Gò Rộc, (Xã Sơn Trung) Xã Sơn Thủy			1	936.000		15	9	8.424.000		135	
562	Đinh Thị Thảo	x	29/04/2009	11B6	Hrê	Thôn Làng Già, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
563	Đinh Thị Thanh Thủy	x	28/09/2009	11B6	Hrê	Thôn Làng Già, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ		1	1	936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
564	Đinh Thị Thủy	x	12/05/2009	11B6	Hrê	Thôn Làng Trảng, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
565	Đinh Thị Thủy	x	01/12/2009	11B6	Hrê	Thôn Bồ Nung, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
566	Đinh Tuấn		03/01/2009	11B6	Hrê	Thôn Tà Bi, (Xã Sơn Thủy), Xã Sơn Thủy		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
567	Đinh Thị Vĩ	x	17/04/2009	11B6	Hrê	Thôn Bồ Nung, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
568	Đinh Thị Bè	x	31/8/2009	11B7	Hrê	Thôn Ká Khu, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
569	Đinh Thị Châu	x	24/4/2009	11B7	Hrê	Thôn Ká Khu, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	

TT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Nơi thường trú: Thôn (xã trước khi sáp nhập), Xã mới, Quang Ngải	Đổi nương lương		Ở bán trú trong trường (l)	Tiền ăn Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Tiền ở Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /tháng (kg)	Số tháng	Tiền ăn Được hỗ trợ/Năm (Đồng)	Tiền ở Được hỗ trợ/năm (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /năm (kg)	Ghi Chú
							Nhà ở xa trường (l)	nhà ở Địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn (l)									
528	Đinh Thị Y Nguyên	x	21/03/2009	11B5	Hrê	Thôn Lăng Bung, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
529	Đinh Thị Hồng Nhung	x	11/03/2009	11B5	Hrê	Thôn Nước Lác, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
530	Đinh Thị Ni	x	9/4/2009	11B5	Hrê	Thôn Nước Lác, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
531	Đinh Thị Hồng Quyên	x	23/03/2009	11B5	Hrê	Thôn Lăng Tráng, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
532	Đinh Văn Quyên		08/5/2009	11B5	Hrê	Thôn Bồ Nung, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
533	Đinh Văn Tân		15/06/2009	11B5	Hrê	Thôn Tà Com, (Xã Sơn Thủy) Xã Sơn Thủy		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
534	Đinh Văn Tèo		15/06/2009	11B5	Hrê	Thôn Tà Com, (Xã Sơn Thủy) Xã Sơn Thủy		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
535	Đinh Văn Thuối		17/05/2009	11B5	Hrê	Thôn Nước Lác, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
536	Đinh Thị Tiểu	x	24/07/2009	11B5	Hrê	Thôn Lăng Tráng, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
537	Đinh Hoài Toàn		20/02/2009	11B5	Hrê	Thôn Gò Rộc (Xã Sơn Trung), Xã Sơn Thủy	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
538	Đinh Văn Tư		04/8/2008	11B5	Hrê	Thôn Tà Lương, (Xã Sơn Bao), Xã Sơn Hà	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
539	Đinh Đa Vít		18/05/2008	11B5	Hrê	Thôn Nước Tăm (Xã Sơn Thượng), Xã Sơn Hà	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
540	Đinh Thị Hoàng Anh	x	13/7/2009	11B6	Hrê	Thôn Tà Bàn, (Xã Sơn Thủy) Xã Sơn Thủy		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
541	Đinh Thị Hồng Bách	x	16/01/2009	11B6	Hrê	Thôn Lăng Ranh, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
542	Đinh Thị Cỏ	x	12/06/2009	11B6	Hrê	Thôn Bồ Nung, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
543	Đinh Thị Mỹ Dang	x	18/12/2009	11B6	Hrê	Thôn Ká Khu, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
544	Đinh Thị Mỹ Duyên	x	25/07/2009	11B6	Hrê	Thôn Bồ Nung, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
545	Đinh Thị Tiểu Đức	x	16/04/2009	11B6	Hrê	Thôn Tà Com, (Xã Sơn Thủy) Xã Sơn Thủy		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
546	Đinh Thị Diệp	x	07/03/2009	11B6	Hrê	Thôn Tà Com, (Xã Sơn Thủy) Xã Sơn Thủy		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
547	Đinh Sửu Đông		03/11/2009	11B6	Hrê	Thôn Lăng Bung, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
548	Đinh Thị Hèo	x	07/10/2009	11B6	Hrê	Thôn Di Hoàng, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	

TT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Nơi thường trú: Thôn (xã trước khi sắp nhập), Xã mới, Quảng Ngãi	Đối tượng hưởng		Ổ ban trú trong trường (1)	Tiền án Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Tiền ở Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /tháng (kg)	Số tháng	Tiền án Được hỗ trợ/Năm (Đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/năm (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /năm (kg)	Ghi Chu
							Nhà ở xã trường (1)	nhà ở Địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn (1)									
507	Đinh Trọng Hiếu		24/11/2009	11B4	Hrê	Thôn Đồng A, (Xã Sơn Linh), Xã Sơn Linh	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
508	Đinh Văn Hương		21/02/2009	11B4	Hrê	Thôn Làng Mũng, (Xã Sơn Bao) Xã Sơn Hà	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
509	Đinh Văn Khang		25/02/2009	11B4	Hrê	Thôn Tà Bàn, (Xã Sơn Thủy) Xã Sơn Thủy		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
510	Đinh Văn Lực		03/08/2009	11B4	Hrê	Thôn Tà Bắc, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
511	Đinh Văn Minh		15/05/2009	11B4	Hrê	Thôn Nước Lác, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
512	Đinh Thị Nhi	x	10/02/2009	11B4	Hrê	Thôn Mỏ O, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
513	Đinh Vĩnh Quyền		08/05/2009	11B4	Hrê	Thôn Nước Lác, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
514	Đinh Thị Sỹ	x	08/05/2009	11B4	Hrê	Thôn Bò Nung, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
515	Đinh Minh Thuận		24/03/2009	11B4	Hrê	Thôn Tà Bi, (Xã Sơn Thủy), Xã Sơn Thủy		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
516	Đinh Thị Minh Thư	x	11/06/2009	11B4	Hrê	Thôn Làng Giã, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
517	Đinh Văn Triết		19/09/2009	11B4	Hrê	Thôn Làng Mũng, (Xã Sơn Bao) Xã Sơn Hà				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
518	Đinh Thị Thanh Trúc	x	10/01/2009	11B4	Hrê	Thôn Làng Giã, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
519	Đinh Thị Tỷ	x	19/07/2009	11B4	Hrê	Thôn Mỏ O, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
520	Đinh Thị Vi	x	01/01/2009	11B4	Hrê	Thôn Làng Tráng, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
521	Đinh Tuấn Vĩ		23/03/2009	11B4	Hrê	Thôn Tà Bi, (Xã Sơn Thủy), Xã Sơn Thủy		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
522	Đinh Nhật Hồng Vương		18/03/2009	11B4	Hrê	Thôn Làng Búng, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
523	Đinh Văn Châu		18/07/2009	11B5	Hrê	Thôn Tà Bi, (Xã Sơn Thủy), Xã Sơn Thủy		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
524	Đinh Văn Công		23/12/2009	11B5	Hrê	Thôn Bò Nung, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
525	Đinh Văn Đỡ		04/6/2009	11B5	Hrê	Thôn Tà Com, (Xã Sơn Thủy) Xã Sơn Thủy		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
526	Đinh Hồng Hải		28/01/2009	11B5	Hrê	Thôn Đông Giang (Xã Sơn Giang), Xã Sơn Linh	1		1	936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
527	Đinh Văn Lang		14/05/2009	11B5	Hrê	Thôn Nước Lác, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	

TT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Nơi thường trú: Thôn (xã trước khi sáp nhập), Xã mới, Quang Ngải	Đổi tượng hưởng		Ở bán trú trong trường (1)	Tiền án Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Tiền ở Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /tháng (kg)	Số tháng	Tiền án Được hỗ trợ/Năm (Đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/năm (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /năm (kg)	Chú Chú
							Nhà ở xa trường (1)	nhà ở Địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn (1)	Con hộ nghèo (1)								
486	Đinh Nga		24/03/2009	11B3	Hrê	Thôn Làng Xinh, (Xã Sơn Linh) Xã Sơn Linh	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
487	Đinh Thị Nguyệt	x	29/01/2009	11B3	Hrê	Thôn Mỏ O, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
488	Đinh Văn Nhóp		20/09/2009	11B3	Hrê	Thôn Làng Mũng, (Xã Sơn Bao) Xã Sơn Hà	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
489	Đinh Thị Y Nhuận	x	24/02/2009	11B3	Hrê	Thôn Tà Bi, (Xã Sơn Thủy), Xã Sơn Thủy		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
490	Đinh Nhật Phong		26/10/2009	11B3	Hrê	Thôn Làng Xinh, (Xã Sơn Linh) Xã Sơn Linh	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
491	Đinh Văn Sóng		11/04/2008	11B3	Hrê	Thôn Mỏ O, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
492	Đinh Văn Suốt		28/11/2009	11B3	Hrê	Thôn Làng Bung, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
493	Đinh Văn Thôn		09/04/2008	11B3	Hrê	Thôn Gò Đa, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ		1	1	936.000		15	9	8.424.000	-	135	
494	Đinh Thị Thu Thủy	x	19/03/2009	11B3	Hrê	Thôn Tà Bi, (Xã Sơn Thủy), Xã Sơn Thủy		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
495	Đinh Xuân Tinh		04/06/2009	11B3	Hrê	Thôn Tà Bi, (Xã Sơn Thủy), Xã Sơn Thủy		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
496	Đinh Thị Tuấn	x	11/05/2009	11B3	Hrê	Thôn Làng Rạnh, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
497	Đinh Gia Lưu Minh Tuân		30/11/2009	11B3	Hrê	Thôn Nước Lác, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
498	Đinh Quết Tuấn		22/03/2009	11B3	Hrê	Thôn Làng Tráng, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
499	Đinh Văn Xôi		02/02/2008	11B3	Hrê	Thôn Di Hoàng, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
500	Đinh Văn Bình		25/10/2009	11B4	Hrê	Thôn Làng Rẻ, (Xã Sơn Giang) Xã Sơn Linh	1		1	936.000		15	9	8.424.000	-	135	
501	Đinh Minh Châu		19/06/2009	11B4	Hrê	Thôn Tà Com, (Xã Sơn Thủy) Xã Sơn Thủy		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
502	Đinh Thị Chiểu	x	12/08/2009	11B4	Hrê	Thôn Bỏ Nung, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
503	Đinh Thị Diễm	x	20/03/2009	11B4	Hrê	Thôn Già Gỏi, (Xã Sơn Thủy), Xã Sơn Thủy		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
504	Đinh Thị Duyên	x	05/01/2009	11B4	Hrê	Thôn Tà Bi, (Xã Sơn Thủy), Xã Sơn Thủy		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
505	Đinh Thanh Đạt		16/08/2009	11B4	Hrê	Thôn Làng Rẻ, (Xã Sơn Giang) Xã Sơn Linh Thôn Làng Đeo, (Xã Sơn Trung), Xã Sơn Thủy	1		1	936.000		15	9	8.424.000	-	135	
506	Đinh Văn Hào		10/07/2009	11B4	Hrê					936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	

TT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Nơi thường trú: Thôn (xã trước khi sáp nhập), Xã mới, Quảng Ngãi	Đối tượng hưởng		Ở bán trú trường (l)	Tiền án Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Tiền ở Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /tháng (kg)	Số tháng	Tiền án Được hỗ trợ/Năm (Đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/năm (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /năm (kg)	Ghi Chú
							Nhà ở xã trường (l)	nhà ở Địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn (l)									
465	Đinh Như Thịnh		10/12/2009	11B2	Hrê	Thôn Gò Răng, (Xã Sơn Thượng), Xã Sơn Hà	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
466	Đinh Xuân Toàn		01/02/2009	11B2	Hrê	Thôn Xá Ấy, (Xã Sơn Cao), Xã Sơn Linh	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
467	Phạm Đình Tùng		07/11/2009	11B2	Hrê	Thôn Gò Rọc, (Xã Sơn Trung), Xã Sơn Thủy	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
468	Đinh Thị Thanh Út	x	08/11/2009	11B2	Hrê	Thôn Tà Bả, (Xã Sơn Thủy), Xã Sơn Thủy		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
469	Đinh Hoàng Khải		08/03/2009	11B2	Hrê	Thôn Gia Ry, (Xã Sơn Trung), Xã Sơn Thủy	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
470	Đinh Bảo Khang		08/03/2009	11B2	Hrê	Thôn Gia Ry, (Xã Sơn Trung), Xã Sơn Thủy	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
471	Đinh Thị Mỹ Huệ	x	20/11/2009	11B2	Hrê	Thôn Bè Nung, (Xã Sơn Kỳ), Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
472	Đinh Thị Chác	x	14/07/2009	11B3	Hrê	Thôn Lăng Già, (Xã Sơn Ba), Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
473	Đinh Thị Châu	x	28/01/2009	11B3	Hrê	Thôn Tà Bả, (Xã Sơn Thủy), Xã Sơn Thủy		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
474	Đinh Văn Chuột		10/01/2009	11B3	Hrê	Thôn Di Hoàng, (Xã Sơn Ba), Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
475	Đinh Tiến Dũng		15/04/2009	11B3	Hrê	Thôn Lăng Mùng, (Xã Sơn Bao), Xã Sơn Hà	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
476	Đinh Văn Dưa		12/01/2009	11B3	Hrê	Thôn Mỏ O, (Xã Sơn Ba), Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
477	Đinh Thị Hiền	x	04/03/2009	11B3	Hrê	Thôn Giá Gỏi, (Xã Sơn Thủy), Xã Sơn Thủy		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
478	Đinh Thị Hòn	x	19/12/2009	11B3	Hrê	Thôn Lăng Già, (Xã Sơn Ba), Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
479	Đinh Văn Huân		27/09/2009	11B3	Hrê	Thôn Mỏ O, (Xã Sơn Ba), Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
480	Đinh Văn Khuyến		25/12/2009	11B3	Hrê	Thôn Di Hoàng, (Xã Sơn Ba), Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
481	Đinh Văn Kỳ		28/02/2009	11B3	Hrê	Thôn Xá Ấy, (Xã Sơn Cao), Xã Sơn Linh		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
482	Đinh Thị Mỹ Linh	x	24/12/2009	11B3	Hrê	Thôn Lăng Già, (Xã Sơn Ba), Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
483	Đinh Y Ly	x	11/07/2009	11B3	Hrê	Thôn Giá Gỏi, (Xã Sơn Thủy), Xã Sơn Thủy		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
484	Đinh Văn Méo		10/02/2009	11B3	Hrê	Thôn Mỏ Níc, (Xã Sơn Kỳ), Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
485	Đinh Thị Ly Na	x	01/01/2009	11B3	Hrê	Thôn Tà Corn, (Xã Sơn Thủy), Xã Sơn Thủy				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	

TT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Nơi thường trú: Thôn (Xã trước khi sáp nhập), Xã mới, Quang Ngải	Đối tượng hưởng		Ở bán trú trong trường (l)	Tiền án Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Tiền ở Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /tháng (kg)	Số tháng	Tiền án Được hỗ trợ/Năm (Đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/năm (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /năm (kg)	Ghi chú
							Nhà ở xã trường (l)	nhà ở địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn (l)									
444	Đinh Tấn Dũng		30/08/2009	11B1	Hrê	Thôn Tà Bàn, (Xã Sơn Thủy) Xã Sơn Thủy		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
445	Đinh Văn Hương		03/02/2009	11B1	Hrê	Thôn Nước Lác, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
446	Đinh Thi Y Nghĩa	x	08/10/2009	11B1	Hrê	Thôn Tà Bi, (Xã Sơn Thủy) Xã Sơn Thủy		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
447	Đinh Thi Siêu	x	18/10/2009	11B1	Hrê	Thôn Tà Pía, (Xã Sơn Hải) Xã Sơn Thủy		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
448	Đinh Thị Ánh Tuyết	x	23/02/2009	11B1	Hrê	Thôn Tà Bắc, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
449	Đinh Hải Châu		18/11/2009	11B2	Hrê	Thôn Tà Bi, (Xã Sơn Thủy) Xã Sơn Thủy		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
450	Đinh Thị Hy Chín	x	12/11/2009	11B2	Hrê	Thôn Làng Bung, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
451	Đinh Thị Ngọc Diệp	x	12/01/2009	11B2	Hrê	Thôn Gò Rộc, (Xã Sơn Trung) Xã Sơn Thủy	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
452	Đinh Thị Địa	x	06/07/2009	11B2	Hrê	Thôn Tà Bi, (Xã Sơn Thủy) Xã Sơn Thủy		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
453	Đinh Văn Dương		18/06/2009	11B2	Hrê	Thôn Làng Ranh, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
454	Đinh Hoàng Định		18/04/2009	11B2	Hrê	Thôn Làng Ranh, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ	1		1	936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
455	Đinh Thị Giai	x	14/11/2009	11B2	Hrê	Thôn Tà Bi, (Xã Sơn Thủy) Xã Sơn Thủy		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
456	Đinh Thị Hấp	x	11/01/2009	11B2	Hrê	Thôn Làng Ranh, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
457	Đinh Thị Hoa	x	17/05/2009	11B2	Hrê	Thôn Gia Ry, (Xã Sơn Trung) Xã Sơn Thủy	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
458	Đinh Viễn Khoa		25/08/2009	11B2	Hrê	Thôn Tà Bàn, (Xã Sơn Thủy) Xã Sơn Thủy		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
459	Đinh Hồng Minh		15/05/2009	11B2	Hrê	Thôn Làng Già, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
460	Đinh Quang Phi		12/06/2009	11B2	Hrê	Thôn Tà Bàn, (Xã Sơn Thủy) Xã Sơn Thủy		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
461	Đinh Văn Sơn		14/09/2008	11B2	Hrê	Thôn Gò Đa, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ		1	1	936.000		15	9	8.424.000		135	
462	Đinh Văn Sơn		26/06/2009	11B2	Hrê	Thôn Nước Lác, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
463	Đinh Thị Thương	x	24/12/2009	11B2	Hrê	Thôn Đồng Sa, (Xã Sơn Cao) Xã Sơn Linh	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
464	Đinh Văn Thanh		15/08/2009	11B2	Hrê	Thôn Làng Trảng, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	

TT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Nơi thường trú: Thôn (xã trước khi sắp nhập), Xã mới, Quang Ngải	Đối tượng hưởng		Ở bán trú trong trường (l)	Tiền án Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Tiền ở Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /tháng (kg)	Số tháng	Tiền án Được hỗ trợ/Năm (Đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/năm (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /năm (kg)	Ghi Chú
							Nhà ở xã trường (l)	nhà ở Địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn (l)									
423	Đinh Thùy Lan	x	28/11/2010	10A7	Hrê	Thôn Lang Bung, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
424	Đinh Văn Luân		15/12/2009	10A7	Hrê	Thôn Tà Bắc, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1	1	936.000		15	9	8.424.000		135	
425	Đinh Thị Nghi	x	29/09/2010	10A7	Hrê	Thôn Mỏ O, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
426	Đinh Côn Nghiệp		23/06/2010	10A7	Hrê	Thôn Di Hoàng, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
427	Đinh Tấn Ngực		06/10/2010	10A7	Hrê	Thôn Mỏ O, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
428	Đinh Văn Nhất		20/12/2008	10A7	Hrê	Thôn Mỏ Níc, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
429	Đinh Thị Nhỏ	x	27/07/2010	10A7	Hrê	Thôn Bồ Nung, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
430	Đinh Thị Như	x	13/01/2010	10A7	Hrê	Thôn Tà Pía, (Xã Sơn Hải), Xã Sơn Thủy		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
431	Đinh Thị Kiều Oanh	x	08/08/2010	10A7	Hrê	Thôn Tà Com, (Xã Sơn Thủy) Xã Sơn Thủy		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
432	Đinh Thị Oanh	x	23/08/2010	10A7	Hrê	Thôn Lang Tráng, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
433	Đinh Văn Quân		05/05/2010	10A7	Hrê	Thôn Bồ Nung, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
434	Đinh Thị Thi	x	18/05/2010	10A7	Hrê	Thôn Bồ Nung, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
435	Đinh Thị Thủy	x	30/11/2010	10A7	Hrê	Thôn Tà Pía, (Xã Sơn Hải), Xã Sơn Thủy		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
436	Đinh Y Hà Trúc	x	05/03/2010	10A7	Hrê	Thôn Bồ Nung, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
437	Đinh Thị Ty	x	27/06/2010	10A7	Hrê	Thôn Lang Tráng, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
438	Đinh Thị Vương	x	23/09/2010	10A7	Hrê	Thôn Ká Khui, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
439	Đinh Thị Kiều Vy	x	12/04/2010	10A7	Hrê	Thôn Tà Com, (Xã Sơn Thủy) Xã Sơn Thủy		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
440	Đinh Văn Vy		04/08/2010	10A7	Hrê	Thôn Nước Lác, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
441	Đinh Thị Hoàng Yến	x	25/12/2010	10A7	Hrê	Thôn Lăng Ranh, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
442	Đinh Thị Yến	x	05/12/2010	10A7	Hrê	Thôn Tà Bắc, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
443	Đinh Văn Dũ		06/06/2008	10A7	Hrê	Thôn Lăng Ranh, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	

TT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Nơi thường trú: Thôn (Xã trước khi sáp nhập), Xã mới, Quang Ngải	Đổi tượng hưởng		Con hộ nghèo (1)	Ố bán trú trong trường (1)	Tiền an Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Tiền ở Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /tháng (kg)	Số tháng	Tiền an Được hỗ trợ/Năm (Đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/năm (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /năm (kg)	Ghi Chú
							Nhà ở xa trường (1)	nhà ở Địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn (1)										
402	Đinh Thị Mỹ Phương	x	10/12/2010	10A6	Hrê	Thôn Tà Bi, (Xã Sơn Thủy), Xã Sơn Thủy		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
403	Đinh Văn Phương		20/04/2010	10A6	Hrê	Thôn Làng Giã, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
404	Đinh Hồng Phương		12/01/2010	10A6	Hrê	Thôn Tà Bân, (Xã Sơn Thủy) Xã Sơn Thủy		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
405	Đinh Văn Quang		05/11/2010	10A6	Hrê	Thôn Làng Ranh, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
406	Đinh Thị Quỳnh	x	13/03/2010	10A6	Hrê	Thôn Tà Bân, (Xã Sơn Thủy) Xã Sơn Thủy		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
407	Đinh Thị Sao	x	23/03/2010	10A6	Hrê	Thôn Ká Khu, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
408	Đinh Quang Thanh		25/02/2010	10A6	Hrê	Thôn Làng Bung, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
409	Đinh Thị Thủy Vân	x	12/08/2010	10A6	Hrê	Thôn Làng Giã, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
410	Đinh Thị Vơ	x	10/03/2010	10A6	Hrê	Thôn Nước Lác, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
411	Đinh Thị Hải Yến	x	18/05/2010	10A6	Hrê	Thôn Làng Bung, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
412	Đinh Thị Bom	x	20/11/2010	10A7	Hrê	Thôn Làng Ranh, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
413	Đinh Thị Cán	x	31/3/2010	10A7	Hrê	Thôn Làng Tráng, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
414	Đinh Thị Châu	x	31/05/2010	10A7	Hrê	Thôn Mỏ O, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
415	Đinh Thị Quỳnh Diệp	x	30/03/2010	10A7	Hrê	Thôn Làng Giã, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
416	Đinh Thị Diệu	x	19/10/2010	10A7	Hrê	Thôn Nước Lác, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
417	Phạm Văn Du		09/08/2010	10A7	Hrê	Thôn Ká Khu, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
418	Đinh Thị Mỹ Dung	x	30/07/2010	10A7	Hrê	Thôn Tà Com, (Xã Sơn Thủy) Xã Sơn Thủy		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
419	Đinh Thị Thu Hoa	x	18/04/2010	10A7	Hrê	Thôn Tà Com, (Xã Sơn Thủy) Xã Sơn Thủy		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
420	Đinh Hải Hoàng		24/03/2010	10A7	Hrê	Thôn Tà Bi, (Xã Sơn Thủy), Xã Sơn Thủy		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
421	Đinh Tấn Khoa		01/02/2010	10A7	Hrê	Thôn Làng Ranh, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
422	Đinh Văn Kiệt		02/03/2009	10A7	Hrê	Thôn Làng Ranh, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ					936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	

TT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Nơi thường trú: Thôn (xã trước khi sáp nhập), Xã mới, Quảng Ngãi	Bối tương hưởng		Ở bán trú trong trường (1)	Tiền án Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Tiền ở Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /tháng (kg)	Số tháng	Tiền án Được hỗ trợ/Năm (Đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/năm (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /năm (kg)	Ghi Chú
							Nhà ở xa trường (1)	nhà ở Địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khan (1)									
381	Đinh Thị Du Dân	x	12/02/2010	10A6	Hrê	Thôn Làng Rì, (Xã Sơn Giang), Xã Sơn Linh	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
382	Đinh Thị Diệc	x	24/07/2010	10A6	Hrê	Thôn Làng Giã, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
383	Đinh Thị Y Dong	x	26/02/2010	10A6	Hrê	Thôn Mỏ O, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
384	Đinh Tân Dý		07/12/2010	10A6	Hrê	Thôn Làng Rì, (Xã Sơn Giang), Xã Sơn Linh	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
385	Đinh Thị Hằng	x	20/10/2010	10A6	Hrê	Thôn Tà Com, (Xã Sơn Thủy) Xã Sơn Thủy		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
386	Đinh Văn Hón		27/09/2010	10A6	Hrê	Thôn Làng Giã, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
387	Đinh Hữu Kiệt		07/03/2010	10A6	Hrê	Thôn Gò Rộc, (Xã Sơn Trung) Xã Sơn Thủy	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
388	Đinh Thị Kho	x	07/06/2010	10A6	Hrê	Thôn Đồng Sa, (Xã Sơn Cao) Xã Sơn Linh	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
389	Đinh Văn Khoa		06/02/2010	10A6	Hrê	Thôn Làng Gung, (Xã Sơn Cao), Xã Sơn Linh	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
390	Đinh Tân Kiệt		25/10/2010	10A6	Hrê	Thôn Làng Rê, (Xã Sơn Giang) Xã Sơn Linh	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
391	Đinh Thị Kiều	x	10/11/2010	10A6	Hrê	Thôn Mỏ O, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
392	Đinh Thành Lộc		29/08/2010	10A6	Hrê	Thôn Xã Ấy, (Xã Sơn Cao), Xã Sơn Linh	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
393	Đinh Thanh Long		03/08/2010	10A6	Hrê	Thôn Làng Môn, (Xã Sơn Cao) Xã Sơn Linh	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
394	Đinh Văn Lưu		02/02/2010	10A6	Hrê	Thôn Giã Giỏi, (Xã Sơn Thủy), Xã Sơn Thủy		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
395	Phạm Thị Ngân	x	01/12/2010	10A6	Hrê	Thôn Kà Khu, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
396	Đinh Y Nguyên	x	29/08/2010	10A6	Hrê	Thôn Tà Com, (Xã Sơn Thủy) Xã Sơn Thủy		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
397	Đinh Văn Nguyên		07/10/2009	10A6	Hrê	Thôn Mỏ O, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
398	Đinh Văn Nhi		17/09/2010	10A6	Hrê	Thôn Làng Giã, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
399	Đinh Thị Nhiên	x	06/12/2010	10A6	Hrê	Thôn Mỏ O, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
400	Đinh Văn Nhong		15/10/2010	10A6	Hrê	Thôn Mỏ Níc, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
401	Đinh Thị Y Phấn	x	09/06/2010	10A6	Hrê	Thôn Làng Giã, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	

TT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Nơi thường trú: Thôn (xã trước khi sáp nhập), Xã mới, Quảng Ngãi	Đối tượng hưởng		Ở bán trú trường (l)	Tiền án Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Tiền ở Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Cao Được hỗ trợ /tháng (kg)	Số tháng	Tiền án Được hỗ trợ/Năm (Đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/năm (Đồng)	Cao Được hỗ trợ /năm (kg)	Ghi Chú
							Nhà ở xã trường (l)	nhà ở Địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn (l)									
360	Đinh Văn Khun		02/03/2010	10A5	Hrê	Thôn Tà Com, (Xã Sơn Thủy) Xã Sơn Thủy		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
361	Đinh Hoàng Thủy Kiểu	x	20/03/2010	10A5	Hrê	Thôn Xa Ấy, (Xã Sơn Cao), Xã Sơn Linh	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
362	Đinh Thị Yến Linh	x	09/03/2010	10A5	Hrê	Thôn Tà Bi, (Xã Sơn Thủy), Xã Sơn Thủy		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
363	Đinh Thị Hoa Me	x	09/04/2010	10A5	Hrê	Thôn Tà Bi, (Xã Sơn Thủy), Xã Sơn Thủy		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
364	Đinh Châm Ngón		11/10/2010	10A5	Hrê	Thôn Lăng Gung, (Xã Sơn Cao) Xã Sơn Linh	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
365	Đinh Văn Nguyễn		12/04/2010	10A5	Hrê	Thôn Tà Bi, (Xã Sơn Thủy), Xã Sơn Thủy		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
366	Đinh Văn Nhuận		04/09/2010	10A5	Hrê	Thôn Mỏ Níc, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
367	Đinh Văn Quyền		25/05/2010	10A5	Hrê	Thôn Nước Lác, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
368	Đinh Văn Tây		25/09/2010	10A5	Hrê	Thôn Lăng Gung, (Xã Sơn Cao) Xã Sơn Linh	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
369	Đinh Văn Thách		07/08/2009	10A5	Hrê	Thôn Nước Lác, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
370	Đinh Thị Thu Thảo	x	28/05/2010	10A5	Hrê	Thôn Giá Gối, (Xã Sơn Thủy), Xã Sơn Thủy		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
371	Đinh Quốc Toàn		12/10/2010	10A5	Hrê	Thôn Tà Bàn, (Xã Sơn Thủy) Xã Sơn Thủy		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
372	Đinh Văn Trai		02/10/2010	10A5	Hrê	Thôn Bồ Nung, (Xã Sơn Linh) Xã Sơn Linh		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
373	Đinh Minh Trào		01/12/2010	10A5	Hrê	Thôn Lăng Trá, (Xã Sơn Cao) Xã Sơn Linh	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
374	Đinh Minh Vũ		08/12/2010	10A5	Hrê	Thôn Giá Gối, (Xã Sơn Thủy), Xã Sơn Thủy		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
375	Đinh Văn Vũ		22/10/2010	10A5	Hrê	Thôn Nước Lác, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
376	Đinh Ly Ana	x	23/10/2010	10A6	Hrê	Thôn Tà Bi, (Xã Sơn Thủy), Xã Sơn Thủy		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
377	Đinh Thị Ngọc Ánh	x	03/09/2010	10A6	Hrê	Thôn Tà Com, (Xã Sơn Thủy) Xã Sơn Thủy		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
378	Đinh Văn Bi		24/03/2010	10A6	Hrê	Thôn Bồ Nung, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
379	Đinh Minh Bi		28/10/2010	10A6	Hrê	Thôn Lăng Trá, (Xã Sơn Cao) Xã Sơn Linh	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
380	Đinh Thị Hi Chon	x	06/09/2010	10A6	Hrê	Thôn Tà Bàn, (Xã Sơn Thủy) Xã Sơn Thủy				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	

TT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Nơi thường trú: Thôn (xã trước khi sáp nhập), Xã mới, Quảng Ngãi	Đôi tượng hưởng		Ổ bần trù trong trường (l)	Tiền án Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Tiền ở Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Cạo Được hỗ trợ /tháng (kg)	Số tháng	Tiền án Được hỗ trợ/Năm (Đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/năm (Đồng)	Cạo Được hỗ trợ /năm (kg)	Chi Chủ
							Nhà ở xã trường (l)	nhà ở Địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn (l)									
339	Đinh Thị So	x	09/04/2010	10A4	Hrê	Thôn Làng Ranh, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
340	Đinh Thị Sun	x	09/04/2010	10A4	Hrê	Thôn Làng Ranh, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
341	Đinh Thị Suối	x	04/08/2010	10A4	Hrê	Thôn Di Hoàng, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
342	Đinh Thị Thia	x	17/07/2009	10A4	Hrê	Thôn Nước Lác, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
343	Đinh Thị Minh Trang	x	30/11/2010	10A4	Hrê	Thôn Kà Khu, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
344	Đinh Thị Tùng	x	18/12/2010	10A4	Hrê	Thôn Nước Lác, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
345	Đinh Phi Vũ		27/11/2010	10A4	Hrê	Thôn Tà Máu, (Xã Sơn Trung), Xã Sơn Thủy	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
346	Đinh Thị Bu	x	20/01/2009	10A5	Hrê	Thôn Làng Ranh, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
347	Đinh Thị Duyên	x	22/09/2010	10A5	Hrê	Thôn Tà Bi, (Xã Sơn Thủy), Xã Sơn Thủy		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
348	Đinh Thị Mỹ Duyên	x	13/07/2010	10A5	Hrê	Thôn Tà Bi, (Xã Sơn Thủy), Xã Sơn Thủy		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
349	Đinh Văn Đen		24/02/2010	10A5	Hrê	Thôn Gia Gò, (Xã Sơn Thủy), Xã Sơn Thủy		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
350	Đinh Minh Hải		10/09/2010	10A5	Hrê	Thôn Bồ Nung, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
351	Đinh Vĩnh Xuân Hào		09/01/2010	10A5	Hrê	Thôn Tà Bàn, (Xã Sơn Thủy), Xã Sơn Thủy		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
352	Đinh Thị Thu Hằng	x	26/11/2010	10A5	Hrê	Thôn Tà Bi, (Xã Sơn Thủy), Xã Sơn Thủy		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
353	Đinh Minh Hiền		03/03/2010	10A5	Hrê	Thôn Bồ Nung, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
354	Đinh Minh Hiệp		03/02/2010	10A5	Hrê	Thôn Tà Corn, (Xã Sơn Thủy), Xã Sơn Thủy		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
355	Đinh Thị Hoàng	x	25/03/2010	10A5	Hrê	Thôn Nước Lác, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
356	Đinh Tuấn Hùng		14/08/2010	10A5	Hrê	Thôn Làng Gung, (Xã Sơn Cao) Xã Sơn Linh	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
357	Đinh Minh Khiếu		24/06/2009	10A5	Hrê	Thôn Tà Bàn, (Xã Sơn Thủy), Xã Sơn Thủy		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
358	Đinh Anh Khoa		16/03/2010	10A5	Hrê	Thôn Tà Bàn, (Xã Sơn Thủy), Xã Sơn Thủy		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
359	Đinh Văn Khoa		29/10/2010	10A5	Hrê	Thôn Nước Lác, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	

TT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Nơi thường trú: Thôn (xã trước khi sáp nhập), Xã mới, Quảng Ngãi	Đối tượng hưởng		Ở bán trú trong trường (l)	Tiền an Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Tiền ở Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /tháng (kg)	Số tháng	Tiền an Được hỗ trợ/Năm (Đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/năm (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /năm (kg)	Ghi chú
							Nhà ở xã trường (l)	nhà ở Địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn (l)									
318	Đinh Thị Viên	x	18/8/2010	10A3	Hrê	Thôn Lăng Trá, (Xã Sơn Cao) Xã Sơn Linh	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
319	Đinh Thị Kim Anh	x	16/10/2010	10A4	Hrê	Thôn Tà Com, (Xã Sơn Thủy) Xã Sơn Thủy		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
320	Đinh Thị Buồm	x	26/04/2010	10A4	Hrê	Thôn Tà Bàn, (Xã Sơn Thủy) Xã Sơn Thủy		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
321	Đinh Thị Dang	x	17/09/2010	10A4	Hrê	Thôn Nước Lắc, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
322	Đinh Minh Dễ		07/10/2010	10A4	Hrê	Thôn Lăng Lũng, (Xã Sơn Giang) Xã Sơn Linh	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
323	Đinh Y Du	x	14/01/2010	10A4	Hrê	Thôn Tà Bì, (Xã Sơn Thủy), Xã Sơn Thủy		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
324	Đinh Văn Đám		05/12/2010	10A4	Hrê	Thôn Mỏ Níc, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1	1	936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
325	Đinh Thị Đen	x	23/12/2009	10A4	Hrê	Thôn Lăng Lũng, (Xã Sơn Giang) Xã Sơn Linh	1		1	936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
326	Đinh Thị Hạ	x	14/12/2010	10A4	Hrê	Thôn Tà Bàn, (Xã Sơn Thủy) Xã Sơn Thủy		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
327	Đinh Thị Kim Huệ	x	12/08/2010	10A4	Hrê	Thôn Tà Com, (Xã Sơn Thủy) Xã Sơn Thủy		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
328	Đinh Thị Thu Hy	x	25/01/2010	10A4	Hrê	Thôn Tà Bàn, (Xã Sơn Thủy) Xã Sơn Thủy		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
329	Đinh Trương Kha		10/03/2010	10A4	Hrê	Thôn Tà Com, (Xã Sơn Thủy) Xã Sơn Thủy		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
330	Đinh Văn Khánh		24/03/2010	10A4	Hrê	Thôn Lăng Gung, (Xã Sơn Cao) Xã Sơn Linh	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
331	Đinh Khiêm		29/05/2010	10A4	Hrê	Thôn Gò Rộc, (Xã Sơn Trung) Xã Sơn Thủy	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
332	Đinh Thị Diệu Kỳ	x	02/04/2010	10A4	Hrê	Thôn Tà Bì, (Xã Sơn Thủy), Xã Sơn Thủy		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
333	Đinh Thị Lệ	x	02/01/2010	10A4	Hrê	Thôn Tà Bì, (Xã Sơn Thủy), Xã Sơn Thủy		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
334	Đinh Thị Lý	x	30/03/2010	10A4	Hrê	Thôn Tà Pía, (Xã Sơn Hải), Xã Sơn Thủy		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
335	Đinh Văn Mãi		24/03/2010	10A4	Hrê	Thôn Di Hoàng, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
336	Đinh Thị Ly Na	x	15/05/2010	10A4	Hrê	Thôn Tà Com, (Xã Sơn Thủy) Xã Sơn Thủy		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
337	Đinh Thị Kiều Oanh	x	12/07/2010	10A4	Hrê	Thôn Lăng Lũng, (Xã Sơn Giang) Xã Sơn Linh	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
338	Nguyễn Thị Bích Phương	x	04/10/2010	10A4	Kinh	Thôn Lăng Gung, (Xã Sơn Cao) Xã Sơn Linh			1	936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	

TT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Nơi thường trú: Thôn (xã trước khi sáp nhập), Xã mới, Quảng Ngãi	Đổi tương hưởng		Ở bán trú trong trường (l)	Tiền ăn Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Tiền ở Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /tháng (kg)	Số tháng	Tiền ăn Được hỗ trợ/Năm (Đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/ năm (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /năm (kg)	Chi Chú
							Nhà ở xa trường (l)	nhà ở Địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn (l)	Con hộ nghèo (l)								
297	Đinh Trường Chinh		17/4/2010	10A3	Hrê	Thôn Lang Xinh, (Xã Sơn Linh) Xã Sơn Linh	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
298	Đinh Thị Ha	x	18/7/2010	10A3	Hrê	Thôn Mộ Níc, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1	1	936.000		15	9	8.424.000		135	
299	Đinh Minh Hào		24/9/2010	10A3	Hrê	Thôn Di Hoàng, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
300	Đinh Minh Hiếu		23/6/2009	10A3	Hrê	Thôn Bồ Nung, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
301	Đinh Hồ		7/9/2010	10A3	Hrê	Thôn Tà Bi, (Xã Sơn Thủy), Xã Sơn Thủy		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
302	Đinh Minh Khai		10/4/2010	10A3	Hrê	Thôn Lang Bung, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
303	Đinh Quốc Khánh		8/8/2010	10A3	Hrê	Thôn Di Hoàng, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
304	Đinh Hồng Khoa		23/7/2010	10A3	Hrê	Thôn Xà Ấy, (Xã Sơn Cao), Xã Sơn Linh	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
305	Đinh Văn Khôi		10/8/2010	10A3	Hrê	Thôn Tà Bi, (Xã Sơn Thủy), Xã Sơn Thủy		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
306	Đinh Lâm Kinh		25/6/2010	10A3	Hrê	Thôn Di Hoàng, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
307	Đinh Văn Kỳ		24/4/2010	10A3	Hrê	Thôn Bồ Nung, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
308	Đinh Hồng Liêm		28/10/2010	10A3	Hrê	Thôn Lang Bung, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
309	Thiều Trọng Đình Long		4/11/2010	10A3	Hrê	Thôn Lang Già, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
310	Đinh Thị Mỹ	x	29/5/2010	10A3	Hrê	Thôn Bồ Nung, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
311	Đinh Thị Thủy Nguyệt	x	6/12/2010	10A3	Hrê	Thôn Bồ Nung, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
312	Đinh Thị Nguyệt	x	01/11/2010	10A3	Hrê	Thôn Kà Khui, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
313	Đinh Thị Nhục	x	18/4/2010	10A3	Hrê	Thôn Giá Gỏi, (Xã Sơn Thủy), Xã Sơn Thủy		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
314	Đinh Thị Quang	x	01/02/2010	10A3	Hrê	Thôn Nước Lác, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
315	Đinh K. Thuận		9/10/2010	10A3	Hrê	Thôn Bồ Nung, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
316	Đinh Thị Thoa	x	15/2/2010	10A3	Hrê	Thôn Lang Bung, (Xã Sơn Cao) Xã Sơn Linh	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
317	Đinh Nhứt Trung		24/9/2010	10A3	Hrê	Thôn Lang Bung, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	

TT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Nơi thường trú: Thôn (xã trước khi sắp nhập), Xã mới, Quảng Ngãi	Đối tượng hưởng		Ở bán trú trong trường (1)	Tiền án Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Tiền ở Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /tháng (kg)	Số tháng	Tiền án Được hỗ trợ/Năm (Đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/năm (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /năm (kg)	Ghi Chú
							Nhà ở xã trường (1)	nhà ở địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn (1)									
276	Đinh Thị Charh	x	31/08/2010	10A2	Hrê	Thôn Làng Rạnh, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
277	Đinh Thị Chia	x	11/02/2010	10A2	Hrê	Thôn Tà Bi, (Xã Sơn Thủy), Xã Sơn Thủy		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
278	Đinh Thị Chiên	x	15/07/2010	10A2	Hrê	Thôn Bò Nung, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
279	Đinh Thị Diễm	x	23/03/2010	10A2	Hrê	Thôn Bò Nung, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
280	Đinh Thị Hồng Diễm	x	29/12/2010	10A2	Hrê	Thôn Làng Bung, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
281	Đinh Văn Dương		20/11/2010	10A2	Hrê	Thôn Mang Nà, (Xã Sơn Bao) Xã Sơn Hà	1		1	936.000		15	9	8.424.000	-	135	
282	Đinh Đình Đăng		08/12/2010	10A2	Hrê	Thôn Làng Rê, (Xã Sơn Giang) Xã Sơn Linh	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
283	Đinh Thị Hồng	x	07/08/2010	10A2	Hrê	Thôn Mò O, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
284	Đinh Xuân Hư		24/01/2009	10A2	Hrê	Thôn Bò Nung, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
285	Đinh Thị Minh Kỳ	x	06/04/2010	10A2	Hrê	Thôn Di Hoàng, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
286	Phạm Thị Bích Liễu	x	18/03/2010	10A2	Hrê	Thôn Làng Giã, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
287	Đinh Thị Mị Li Na	x	21/03/2010	10A2	Hrê	Thôn Bò Nung, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
288	Đinh Thị Nhung	x	16/10/2010	10A2	Hrê	Thôn Bò Nung, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
289	Đinh Thị Sò	x	04/08/2010	10A2	Hrê	Thôn Làng Giã, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
290	Đinh Thị Tuấn	x	21/09/2010	10A2	Hrê	Thôn Làng Giã, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
291	Đinh Ánh Tuyết	x	17/04/2010	10A2	Hrê	Thôn Làng Giã, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
292	Đinh Thị Tư	x	26/06/2010	10A2	Hrê	Thôn Di Hoàng, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
293	Đinh Thị Thủy Vân	x	31/10/2010	10A2	Hrê	Thôn Làng Giã, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
294	Đinh Thị Yến Vân	x	30/03/2010	10A2	Hrê	Thôn Làng Giã, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
295	Đinh Thị Vỹ	x	04/09/2010	10A2	Hrê	Thôn Tà Bàn, (Xã Sơn Thủy) Xã Sơn Thủy	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
296	Đinh Thị Bình	x	22/9/2010	10A3	Hrê	Thôn Làng Bung, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	

TT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Nơi thường trú: Thôn (xã trước khi sáp nhập), Xã mới, Quảng Ngãi	Bồi tương hưởng		Ở bán trú trong trường (1)	Tiền án Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Tiền ở Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /tháng (kg)	Số tháng	Tiền án Được hỗ trợ/Năm (Đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/ năm (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /năm (kg)	Ghi Chú
							Nhà ở xa trường (1)	nhà ở Địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn (1)									
255	Đinh Văn Hiêng		21/7/2011	9C	Hrê	Thôn Lăng Tráng, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
256	Đinh Thị Hương	x	04/7/2011	9C	Hrê	Thôn Nước Lác, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
257	Đinh Cao Kì		26/10/2009	9C	Hrê	Thôn Lăng Tráng, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
258	Đinh Xuân Nga		8/6/2011	9C	Hrê	Thôn Lăng Tráng, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
259	Đinh Văn Nhi		13/10/2011	9C	Hrê	Thôn Nước Lác, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
260	Đinh Văn Nhung		16/10/2011	9C	Hrê	Thôn Nước Lác, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
261	Đinh Thị Sun	x	6/4/2011	9C	Hrê	Thôn Nước Lác, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
262	Đinh Thị Thu	x	20/11/2011	9C	Hrê	Thôn Bồ Nung, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
263	Đinh Văn Tin		21/8/2010	9C	Hrê	Thôn Bồ Nung, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
264	Đinh Thị Mỹ Tu	x	11/02/2011	9C	Hrê	Thôn Bồ Nung, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
265	Đinh Văn Vũ		29/9/2011	9C	Hrê	Thôn Nước Lác, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
266	Đinh Thị Vương	x	24/11/2011	9C	Hrê	Thôn Lăng Tráng, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
267	Đinh Văn Xám		16/3/2010	9C	Hrê	Thôn Nước Lác, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
268	Đinh Thị Hằng Diễm	x	18/11/2010	10A1	Hrê	Thôn Kà Khu, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ	1	1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
269	Đinh Tiến Dũng		08/09/2010	10A1	Hrê	Thôn Đông Sa, (Xã Sơn Cao) Xã Sơn Linh	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
270	Đinh Văn Hào		28/11/2010	10A1	Hrê	Thôn Lăng Môn, (Xã Sơn Cao) Xã Sơn Linh				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
271	Đinh Văn Hòa		25/08/2010	10A1	Hrê	Thôn Bồ Nung, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
272	Đinh Thị Phương Nhi	x	02/12/2010	10A1	Hrê	Thôn Di Hoàng, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
273	Đinh Thị Phùng	x	04/06/2010	10A1	Hrê	Thôn Mỏ O, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
274	Đinh Thị Minh Tuệ	x	06/11/2010	10A1	Hrê	Thôn Tà Com, (Xã Sơn Thủy) Xã Sơn Thủy		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
275	Đinh Thị Kiều Uyên	x	11/05/2010	10A1	Hrê	Thôn Lăng Tráng, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	

TT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Nơi thường trú: Thôn (xã trước khi sáp nhập), Xã mới, Quảng Ngãi	Đối tượng hưởng		Ổ bán trú trong trường (l)	Tiền án Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Tiền ở Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Cạo Được hỗ trợ /tháng (kg)	Số tháng	Tiền án Được hỗ trợ/Năm (Đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/năm (Đồng)	Cạo Được hỗ trợ /năm (kg)	Ghi chú
							Nhà ở xa trường (l)	nhà ở Địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn (l)									
234	Đinh Thị Trà Mị	x	26/1/2011	9B	Hrê	Thôn Bồ Nung, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
235	Đinh Văn Minh		27/8/2010	9B	Hrê	Thôn Bồ Nung, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
236	Đinh Văn Nghi		30/8/2011	9B	Hrê	Thôn Lăng Tráng, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
237	Đinh Thị Hữu Ngoan	x	25/11/2011	9B	Hrê	Thôn Lăng Tráng, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
238	Đinh Thị Nguyễn	x	11/10/2011	9B	Hrê	Thôn Nước Lác, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
239	Đinh Thị Nhu	x	20/7/2011	9B	Hrê	Thôn Nước Lác, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
240	Đinh Thị Nhon	x	21/7/2011	9B	Hrê	Thôn Bồ Nung, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
241	Đinh Văn Ni		26/10/2010	9B	Hrê	Thôn Nước Lác, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
242	Đinh Thị Siêng	x	01/10/2011	9B	Hrê	Thôn Bồ Nung, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
243	Đinh Văn Siêng		16/1/2011	9B	Hrê	Thôn Bồ Nung, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
244	Đinh Hoàng Sin		26/12/2011	9B	Hrê	Thôn Bồ Nung, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
245	Đinh Thị Trang	x	19/6/2011	9B	Hrê	Thôn Nước Lác, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
246	Đinh Văn Tú		9/10/2011	9B	Hrê	Thôn Nước Lác, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
247	Đinh Na Uy		6/7/2011	9B	Hrê	Thôn Bồ Nung, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
248	Đinh Ngọc Văn		29/4/2011	9B	Hrê	Thôn Nước Lác, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
249	Đinh Tấn Vũ		03/9/2010	9B	Hrê	Thôn Nước Lác, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
250	Huỳnh Vũ Luân		25/12/2011	9B	Kinh	Thôn Tà Corn, (Xã Sơn Thủy) Xã Sơn Thủy		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
251	Nguyễn Quang Trương		01/04/2011	9B	Kinh	Thôn Bồ Nung, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
252	Đinh Đăng Cường		20/01/2011	9C	Hrê	Thôn Bồ Nung, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
253	Đinh Thị Hằng	x	03/5/2010	9C	Hrê	Thôn Bồ Nung, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
254	Đinh Văn Hậu		24/02/2010	9C	Hrê	Thôn Nước Lác, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	

TT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Nơi thường trú: Thôn (xã trước khi sáp nhập), Xã mới, Quảng Ngãi	Đổi tượng hưởng		Ở bán trú trong trường (1)	Tiền án Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Tiền ở Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /tháng (kg)	Số tháng	Tiền án Được hỗ trợ/Năm (Đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/ năm (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /năm (kg)	Chú Chú
							Nhà ở xa trường (1)	nhà ở Địa bình cách trở, giao thông đi lại khó khăn (1)									
213	Đinh Thị Diễm Bút	x	30/09/2011	9A	Hrê	Thôn Làng Tráng, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
214	Đinh Mạnh Cường		21/06/2011	9A	Hrê	Thôn Bồ Nưng, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
215	Đinh Thị Di	x	18/04/2011	9A	Hrê	Thôn Nước Lác, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
216	Đinh Thị Diệu	x	20/02/2011	9A	Hrê	Thôn Nước Lác, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
217	Đinh Thị Hàm	x	05/03/2011	9A	Hrê	Thôn Nước Lác, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
218	Đinh Tấn Huy		29/09/2011	9A	Hrê	Thôn Bồ Nưng, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
219	Đinh Văn Lâm		02/05/2011	9A	Hrê	Thôn Nước Lác, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
220	Đinh Thị Liên	x	24/01/2011	9A	Hrê	Thôn Bồ Nưng, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
221	Đinh Văn Nhó		30/09/2011	9A	Hrê	Thôn Bồ Nưng, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
222	Đương Minh Quân		16/09/2011	9A	Kinh	Thôn Nước Lác, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
223	Đinh Thị Thơm	x	12/07/2011	9A	Hrê	Thôn Nước Lác, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
224	Đinh Thị Trúc	x	01/05/2011	9A	Hrê	Thôn Nước Lác, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
225	Đinh Hoàn Việt		25/12/2011	9A	Hrê	Thôn Nước Lác, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
226	Đinh Thị Mỹ Dung	x	06/12/2011	9A	Hrê	Thôn Bồ Nưng, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
227	Đinh Thị Thanh	x	08/04/2011	9A	Hrê	Thôn Bồ Nưng, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
228	Đinh Thị Chiến	x	26/12/2011	9B	Hrê	Thôn Bồ Nưng, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
229	Đinh Văn Diên		19/5/2011	9B	Hrê	Thôn Bồ Nưng, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1	1	936.000		15	9	8.424.000	-	135	
230	Đinh Văn Duyên		5/1/2010	9B	Hrê	Thôn Tà Bắc, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
231	Đinh Minh Huy		5/4/2011	9B	Hrê	Thôn Bồ Nưng, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
232	Đinh Văn Kiên		2/12/2010	9B	Hrê	Thôn Làng Tráng, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
233	Đinh Văn Kiên		19/9/2011	9B	Hrê	Thôn Làng Tráng, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	

TT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Nơi thường trú: Thôn (xã trước khi sáp nhập), Xã mới, Quảng Ngãi	Đối tượng hưởng		Ở bán trú trong trường (1)	Tiền án Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Tiền ở Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /tháng (kg)	Số tháng	Tiền án Được hỗ trợ/Năm (Đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/năm (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /năm (kg)	Ghi Chú
							Nhà ở xã trường (1)	nhà ở địa hình cách trước, giao thông đi lại khó khăn (1)									
192	Trương Thánh Khang		31/08/2012	8C	Kinh	Thôn Bồ Nưng, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
193	Đình Thị Bé Kiều	x	05/07/2012	8C	Hrê	Thôn Lăng Tráng, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
194	Đình Minh Kiệt		28/12/2012	8C	Hrê	Thôn Mỏ Níc, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
195	Đình Cao Kỳ		30/08/2012	8C	Hrê	Thôn Nước Lác, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
196	Đình Thị Phương Nghị	x	06/10/2012	8C	Hrê	Thôn Bồ Nưng, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
197	Đình Thị Ngọc	x	03/11/2012	8C	Hrê	Thôn Nước Lác, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
198	Đình Thị Ngọc Nhi	x	03/04/2012	8C	Hrê	Thôn Bồ Nưng, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
199	Đình Thị Hy Nhụy	x	25/09/2012	8C	Hrê	Thôn Bồ Nưng, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
200	Đình Thị Hồng Như	x	05/04/2012	8C	Hrê	Thôn Nước Lác, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
201	Đình Văn Rã		05/12/2012	8C	Hrê	Thôn Bồ Nưng, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
202	Đình Văn Sáp		26/12/2012	8C	Hrê	Thôn Tà Bắc, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1	1	936.000		15	9	8.424.000		135	
203	Đình Thị Siêng	x	15/09/2012	8C	Hrê	Thôn Nước Lác, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
204	Võ Minh Quang		09/02/2012	8C	Kinh	Thôn Lăng Tráng, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
205	Đình Duy Thành		22/08/2012	8C	Hrê	Thôn Bồ Nưng, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
206	Nguyễn Quang Thịnh		29/08/2012	8C	Kinh	Thôn Bồ Nưng, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
207	Đình Thị Thế	x	10/11/2012	8C	Hrê	Thôn Tà Bắc, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1	1	936.000		15	9	8.424.000		135	
208	Đình Văn Thu		01/07/2011	8C	Hrê	Thôn Nước Lác, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
209	Đình Thị Thủy	x	15/10/2012	8C	Hrê	Thôn Bồ Nưng, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
210	Phạm Thị Út	x	06/09/2012	8C	Hrê	Thôn Bồ Nưng, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
211	Đình Thị Thủy Vân	x	24/08/2012	8C	Hrê	Thôn Bồ Nưng, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
212	Đình Văn Viên		07/10/2012	8C	Hrê	Thôn Nước Lác, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	

TT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Nơi thường trú: Thôn (xã trước khi sáp nhập), Xã mới, Quảng Ngãi	Đổi tượng hưởng		Ở bán trú trong trường (1)	Tiền ăn Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Tiền ở Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /tháng (kg)	Số tháng	Tiền ăn Được hỗ trợ/Năm (Đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/năm (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /năm (kg)	Ghi Chú
							Nhà ở xa trường (1)	Nhà ở Địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn (1)									
171	Đinh Quang Duy		01/12/2011	8B	Hrê	Thôn Tà Bắc, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ	1	1	1	936.000		15	9	8.424.000		135	
172	Đinh Văn Móng		29/04/2012	8B	Hrê	Thôn Nước Lác, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
173	Đinh Hồng Ngọc		13/07/2012	8B	Hrê	Thôn Làng Tráng, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
174	Đinh Thị Nhân	x	24/10/2012	8B	Hrê	Thôn Bò Nung, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
175	Đinh Thị Nhơn	x	16/03/2011	8B	Hrê	Thôn Nước Lác, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
176	Đinh Thị Kiều Oanh	x	28/09/2012	8B	Hrê	Thôn Làng Tráng, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
177	Đinh Văn Phương		12/06/2011	8B	Hrê	Thôn Bò Nung, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
178	Đinh Thị Quyền	x	28/04/2012	8B	Hrê	Thôn Nước Lác, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
179	Đinh Thị Soan	x	17/07/2011	8B	Hrê	Thôn Bò Nung, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
180	Đinh Thị Thương	x	08/06/2012	8B	Hrê	Thôn Nước Lác, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
181	Đinh Thị Thảo	x	14/04/2011	8B	Hrê	Thôn Tà Bắc, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
182	Đinh Thị Thỏ	x	08/11/2012	8B	Hrê	Thôn Bò Nung, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
183	Đinh Thị Hà Văn	x	28/02/2012	8B	Hrê	Thôn Nước Lác, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
184	Đinh Sơn Kha		01/02/2011	8B	Hrê	Thôn Bò Nung, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
185	Đinh Thị Như	x	22/11/2012	8B	Hrê	Thôn Bò Nung, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
186	Đinh Minh Chí		14/06/2012	8C	Hrê	Thôn Bò Nung, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
187	Đinh Minh Cường		14/10/2012	8C	Hrê	Thôn Tà Bi, (Xã Sơn Kỳ), Xã Sơn Kỳ	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
188	Đinh Văn Dẻo		08/09/2012	8C	Hrê	Thôn Nước Lác, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
189	Đinh Minh Dù		17/04/2012	8C	Hrê	Thôn Nước Lác, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
190	Đinh Văn Đu		18/09/2012	8C	Hrê	Thôn Mỏ Níc, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
191	Đinh Văn Kê		04/10/2012	8C	Hrê	Thôn Tà Bắc, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ			1	936.000		15	9	8.424.000		135	

TT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Nơi thường trú: Thôn (Xã trước khi sáp nhập), Xã mới, Quảng Ngãi	Đối tượng hưởng		Ở bán trú trong tường (l)	Tiền án Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Tiền ở Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /tháng (kg)	Số tháng	Tiền án Được hỗ trợ/Năm (Đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/năm (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /năm (kg)	Ghi Chú
							Nhà ở xa trường (l)	nhà ở địa phương hình thức trợ, giao thông đi lại khó khăn (l)									
150	Đinh Thị Triều Chiếu	x	15/10/2012	8A	Hrê	Thôn Tà Bắc, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1	1	936.000		15	9	8.424.000	-	135	
151	Đinh Văn Công		15/10/2012	8A	Hrê	Thôn Bồ Nùng, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
152	Đinh Thị Mỹ Diễm	x	21/05/2012	8A	Hrê	Thôn Lăng Tráng, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
153	Đinh Thị Ghi	x	22/05/2011	8A	Hrê	Thôn Mỏ Níc, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1	1	936.000		15	9	8.424.000	-	135	
154	Đinh Thị Hằng	x	13/02/2012	8A	Hrê	Thôn Nước Lác, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
155	Đinh Thị Mạch	x	18/07/2011	8A	Hrê	Thôn Tà Bắc, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1	1	936.000		15	9	8.424.000	-	135	
156	Đinh Văn Minh		22/07/2012	8A	Hrê	Thôn Nước Lác, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
157	Đinh Tuấn Nghĩa		16/02/2012	8A	Hrê	Thôn Bồ Nùng, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
158	Đinh Thị Nhanh	x	22/03/2012	8A	Hrê	Thôn Lăng Tráng, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
159	Đinh Thị Nhỏ	x	12/01/2012	8A	Hrê	Thôn Nước Lác, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
160	Đinh Thị Nhu	x	20/04/2012	8A	Hrê	Thôn Bồ Nùng, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
161	Đinh Thị Như	x	06/03/2012	8A	Hrê	Thôn Nước Lác, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
162	Đinh Thị Oanh	x	15/07/2012	8A	Hrê	Thôn Bồ Nùng, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
163	Đinh Thị Su	x	17/07/2012	8A	Hrê	Thôn Nước Lác, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
164	Đinh Thị Tâm	x	14/07/2011	8A	Hrê	Thôn Tà Bắc, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
165	Đinh Thị Thià	x	21/10/2012	8A	Hrê	Thôn Bồ Nùng, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
166	Đinh Hoàng Tri		19/11/2012	8A	Hrê	Thôn Nước Lác, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
167	Đinh Minh Trí		24/09/2012	8A	Hrê	Thôn Bồ Nùng, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
168	Lê Ngọc Châu	x	20/9/2012	8B	Kinh	Thôn Tà Pia, (Xã Sơn Hải), Xã Sơn Thủy		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
169	Đinh Thị Chủ	x	19/10/2012	8B	Hrê	Thôn Nước Lác, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
170	Đinh Thị Dìm	x	01/02/2012	8B	Hrê	Thôn Nước Lác, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	

TT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Nơi thường trú: Thôn (xã trước khi sáp nhập), Xã mới, Quang Ngải	Đối tượng hưởng		Ổ bán trú trong trường (1)	Tiền án Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Tiền ở Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /tháng (kg)	Số tháng	Tiền án Được hỗ trợ/Năm (Đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/ năm (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /năm (kg)	Ghi Chú
							Nhà ở xa trường (1)	Nhà ở Địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn (1)	Con hộ nghèo (1)								
129	Đinh Thị Nhà Khanh	x	26/06/2013	7C	Hrê	Thôn Lăng Tráng, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
130	Đinh Tú Kiệt		24/03/2013	7C	Hrê	Thôn Bò Nung, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
131	Đinh Thị Len	x	04/08/2013	7C	Hrê	Thôn Bò Nung, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
132	Đinh Thị Liễu	x	06/03/2013	7C	Hrê	Thôn Nước Lác, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
133	Đinh Thị Thanh Mỹ	x	02/11/2013	7C	Hrê	Thôn Nước Lác, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
134	Đinh Bảo Nghi		25/02/2013	7C	Hrê	Thôn Nước Lác, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
135	Đinh Thị Thanh Nhà	x	14/05/2013	7C	Hrê	Thôn Tà Bi, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
136	Đinh Văn Nhật		17/03/2013	7C	Hrê	Thôn Bò Nung, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
137	Đinh Văn Nhiên		01/01/2013	7C	Hrê	Thôn Nước Lác, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
138	Đinh Phi Sơn		17/10/2013	7C	Hrê	Thôn Lăng Tráng, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
139	Đinh Thị Bích Tâm	x	20/08/2013	7C	Hrê	Thôn Bò Nung, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
140	Đinh Công Thành		15/05/2013	7C	Hrê	Thôn Bò Nung, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
141	Đinh Hoàng Tín		05/01/2013	7C	Hrê	Thôn Nước Lác, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
142	Đinh Thị Kiều Trinh	x	16/03/2013	7C	Hrê	Thôn Lăng Tráng, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
143	Đinh Thị Ty	x	16/08/2013	7C	Hrê	Thôn Nước Lác, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
144	Đinh Tấn Vi		02/06/2013	7C	Hrê	Thôn Nước Lác, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
145	Đinh Quốc Việt		08/11/2013	7C	Hrê	Thôn Bò Nung, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
146	Đinh Tấn Vũ		31/05/2013	7C	Hrê	Thôn Nước Lác, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
147	Đinh Thị Bình Anh	x	05/4/2012	8A	Hrê	Thôn Lăng Tráng, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
148	Nguyễn Hòa Bình		15/10/2012	8A	Kinh	Thôn Bò Nung, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
149	Đinh Thị Bi	x	14/09/2011	8A	Hrê	Thôn Nước Lác, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	

TT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Nơi thường trú: Thôn (xã trước khi sáp nhập), Xã mới, Quảng Ngãi	Đổi tượng hưởng		Ở bán trú trong trường (1)	Tiền án Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Tiền ở Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /tháng (kg)	Số tháng	Tiền án Được hỗ trợ/Năm (Đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/ năm (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /năm (kg)	Chú Chú
							Nhà ở xã trường (1)	Nhà ở địa hình cách trước, giao thông đi lại khó khăn (1)									
108	Đinh Thị Thu Thanh	x	01/09/2012	7B	Hrê	Thôn Bồ Nung, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
109	Đinh Ngọc Thái		27/02/2013	7B	Hrê	Thôn Mỏ O, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ		1	1	936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
110	Đinh Văn Tháo		24/09/2013	7B	Hrê	Thôn Tà Bắc, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1	1	936.000		15	9	8.424.000		135	
111	Đinh Quang Thiệu		12/06/2013	7B	Hrê	Thôn Nước Lác, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
112	Đinh Thị Thu	x	07/12/2013	7B	Hrê	Thôn Bồ Nung, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
113	Đinh Thị Trang	x	12/03/2013	7B	Hrê	Thôn Nước Lác, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
114	Đinh Tấn Trọng		24/05/2013	7B	Hrê	Thôn Bồ Nung, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
115	Đinh Thị Hồng Tuyết	x	20/11/2013	7B	Hrê	Thôn Bồ Nung, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
116	Đinh Văn Tùng		31/08/2013	7B	Hrê	Thôn Nước Lác, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
117	Đinh Ka Tỷ		02/01/2013	7B	Hrê	Thôn Mỏ Níc, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
118	Đinh Văn Tỷ		18/11/2013	7B	Hrê	Thôn Nước Lác, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
119	Đinh Thị Văn	x	26/11/2013	7B	Hrê	Thôn Nước Lác, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
120	Phạm Văn Vinh		23/04/2013	7B	Hrê	Thôn Bồ Nung, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
121	Lê Thị Bảo Yến	x	25/04/2013	7B	Kinh	Thôn Làng Trắng, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
122	Đinh Văn Nháng		31/03/2012	7C	Hrê	Thôn Bồ Nung, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
123	Đinh Thị Hiếu	x	23/06/2013	7C	Hrê	Thôn Bồ Nung, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
124	Nguyễn Ngọc Như Ý	x	25/8/2013	7C	Kinh	Thôn Bồ Nung, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
125	Đinh Văn Bình		03/09/2013	7C	Hrê	Thôn Nước Lác, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
126	Đinh A Dôn		31/10/2012	7C	Hrê	Thôn Nước Lác, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
127	Đinh Thị Minh Hằng	x	13/02/2013	7C	Hrê	Thôn Làng Trắng, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
128	Đinh Thị Huyền	x	23/09/2013	7C	Hrê	Thôn Bồ Nung, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	

TT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Nơi thường trú: Thôn (xã trước khi sáp nhập), Xã mới, Quảng Ngãi	Đối tượng hưởng		Con hộ nghèo (1)	Ở bán trú trong trường (1)	Tiền ăn Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Tiền ở Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /tháng (kg)	Số tháng	Tiền ăn Được hỗ trợ/Năm (Đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/năm (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /năm (kg)	Chi Chú
							Nhà ở xa trường (1)	nhà ở Địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn (1)										
87	Đinh Văn Nhất		24/10/2013	7A	Hrê	Thôn Bồ Nưng, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
88	Đinh Thị Nhiều	x	07/07/2013	7A	Hrê	Thôn Bồ Nưng, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
89	Đinh Văn Ninh		15/09/2013	7A	Hrê	Thôn Nước Lác, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
90	Đinh Thị Nhui	x	23/04/2013	7A	Hrê	Thôn Nước Lác, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
91	Đinh Thị Nhung	x	21/03/2013	7A	Hrê	Thôn Làng Tráng, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
92	Đinh Văn Oa		21/09/2012	7A	Hrê	Thôn Nước Lác, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
93	Đinh Thị Kiều Oanh	x	05/12/2013	7A	Hrê	Thôn Nước Lác, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
94	Đinh Văn Bền		12/07/2012	7B	Hrê	Thôn Làng Tráng, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
95	Đinh Thị Chang	x	29/05/2013	7B	Hrê	Thôn Bồ Nưng, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
96	Đinh Quốc Duy		16/11/2013	7B	Hrê	Thôn Làng Tráng, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
97	Đinh Minh Dữ		26/05/2013	7B	Hrê	Thôn Làng Tráng, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
98	Đinh Thành Đạt		01/11/2013	7B	Hrê	Thôn Bồ Nưng, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
99	Đinh Anh Khoa Ế Ban		21/09/2011	7B	Hrê	Thôn Bồ Nưng, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
100	Đinh Thị Mỹ Hạnh	x	28/08/2013	7B	Hrê	Thôn Làng Tráng, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
101	Đinh Thị Mỹ Loan	x	03/09/2013	7B	Hrê	Thôn Bồ Nưng, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
102	Đinh Thị Trà Mỹ	x	06/07/2013	7B	Hrê	Thôn Tà Bắc, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1	1		936.000		15	9	8.424.000		135	
103	Đinh Thị Ngoan	x	24/03/2013	7B	Hrê	Thôn Mỏ Níc, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1	1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
104	Đinh Thị Nhiên	x	19/11/2013	7B	Hrê	Thôn Tà Bắc, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
105	Đinh Thị Như	x	05/06/2013	7B	Hrê	Thôn Nước Lác, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
106	Đinh Hoàng Quân		26/04/2013	7B	Hrê	Thôn Tà Bắc, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1	1		936.000		15	9	8.424.000		135	
107	Đinh Công Sơn		20/08/2013	7B	Hrê	Thôn Mỏ Níc, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ					936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	

TT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Nơi thường trú: Thôn (xã trước khi sáp nhập), Xã mới, Quảng Ngãi	Đối tượng hưởng		Ở bán trú trong trường (1)	Tiền án Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Tiền ở Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /tháng (kg)	Số tháng	Tiền án Được hỗ trợ/Năm (Đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/năm (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /năm (kg)	Chi Chú
							Nhà ở xã trường (1)	nhà ở địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn (1)									
66	Đinh Thanh Sơn		15/5/2014	6D	Hrê	Thôn Tà Bắc, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ	1		1	936.000		15	9	8.424.000	-	135	
67	Đinh Văn Su		03/10/2014	6D	Hrê	Thôn Nước Lác, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
68	Đinh Thị Bảo Thy	x	01/12/2014	6D	Hrê	Thôn Tà Bắc, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ	1		1	936.000		15	9	8.424.000	-	135	
69	Phạm Thị Bảo Trâm	x	8/5/2014	6D	Hrê	Thôn Mỏ Níc, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ	1		1	936.000		15	9	8.424.000	-	135	
70	Đinh Thị Trúc	x	17/7/2014	6D	Hrê	Thôn Mỏ Níc, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ	1		1	936.000		15	9	8.424.000	-	135	
71	Đinh Văn Trường		28/01/2014	6D	Hrê	Thôn Mỏ Níc, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ	1		1	936.000		15	9	8.424.000	-	135	
72	Đinh Thanh Tuyền		6/6/2014	6D	Hrê	Thôn Tà Bắc, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
73	Đinh Văn Văn		13/6/2014	6D	Hrê	Thôn Nước Lác, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
74	Đinh Tong Triêm		7/11/2013	6D	Hrê	Thôn Bỏ Nùng, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
75	Đinh Chế Bm		30/08/2013	7A	Hrê	Thôn Lăng Tráng, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
76	Đinh Văn Chun		29/12/2013	7A	Hrê	Thôn Bỏ Nùng, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
77	Đinh Nguyễn Hiền Hào		20/01/2013	7A	Hrê	Thôn Bỏ Nùng, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ	1	1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
78	Đinh Huy Hoàng		05/09/2013	7A	Hrê	Thôn Bỏ Nùng, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
79	Đinh Quang Hồ		15/11/2013	7A	Hrê	Thôn Nước Lác, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
80	Đinh Quang Huy		20/04/2013	7A	Hrê	Thôn Lăng Tráng, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
81	Đinh Thị Liên	x	22/12/2013	7A	Hrê	Thôn Bỏ Nùng, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
82	Đinh Văn Lợi		19/9/2013	7A	Hrê	Thôn Nước Lác, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ	1		1	936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
83	Nguyễn Trương Thành Long		22/02/2013	7A	Kinh	Thôn Bỏ Nùng, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
84	Đinh Thị Ly Na	x	30/10/2013	7A	Hrê	Thôn Bỏ Nùng, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
85	Đinh Thị Thủy Ngân	x	21/09/2012	7A	Hrê	Thôn Nước Lác, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
86	Đinh Thị Ngòi	x	19/05/2013	7A	Hrê	Thôn Nước Lác, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	

TT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Nơi thường trú: Thôn (xã trước khi sắp nhập), Xã mới, Quảng Ngãi	Đôi tượng hưởng		Con hộ nghèo (1)	Ở bán trú trong trường (1)	Tiền an Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Tiền ở Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /tháng (kg)	Số tháng	Tiền an Được hỗ trợ/Năm (Đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/năm (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /năm (kg)	Ghi chú
							Nhà ở xa trường (1)	nhà ở Địa hình cách trừ, giao thông đi lại khó khăn (1)										
45	Đinh Thị Giang	x	11/9/2014	6D	Hrê	Thôn Nước Lác, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
46	Đinh Thị Hào	x	25/4/2014	6D	Hrê	Thôn Nước Lác, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1	1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
47	Đinh Văn Hiền		14/3/2013	6D	Hrê	Thôn Nước Lác, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
48	Đinh Văn Hiếu		12/10/2014	6D	Hrê	Thôn Nước Lác, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
49	Đinh Văn Hoi		25/5/2013	6D	Hrê	Thôn Nước Lác, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
50	Đinh Minh Huỳnh		31/10/2014	6D	Hrê	Thôn Nước Lác, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
51	Đinh Thị Hy	x	26/8/2014	6D	Hrê	Thôn Tà Bắc, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1	1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	-	135	
52	Đinh Văn Khang		11/5/2014	6D	Hrê	Thôn Nước Lác, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
53	Đinh Thị Khuyển	x	24/1/2014	6D	Hrê	Thôn Nước Lác, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
54	Đinh Văn Khuyển		28/11/2014	6D	Hrê	Thôn Mỏ Níc, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1	1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	-	135	
55	Đinh Văn Lạc		09/01/2014	6D	Hrê	Thôn Nước Lác, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
56	Đinh Thị Hồng Linh	x	16/02/2014	6D	Hrê	Thôn Mỏ Níc, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		1	936.000	360.000	15	9	8.424.000	-	135	
57	Đinh Thị Phương Linh	x	24/11/2014	6D	Hrê	Thôn Nước Lác, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
58	Phạm E Mi Ly	x	6/11/2014	6D	Hrê	Thôn Mỏ Níc, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
59	Đinh Hoàng Nam		15/12/2014	6D	Hrê	Thôn Nước Lác, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
60	Đinh Văn Nhung		24/11/2014	6D	Hrê	Thôn Nước Lác, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
61	Đinh Thị Quang	x	17/12/2014	6D	Hrê	Thôn Nước Lác, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
62	Đinh Văn Quốc		25/10/2014	6D	Hrê	Thôn Nước Lác, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
63	Đinh Thị Sa	x	03/7/2014	6D	Hrê	Thôn Nước Lác, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
64	Đinh Văn Sáy		22/7/2014	6D	Hrê	Thôn Nước Lác, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
65	Đinh Văn Sét		19/1/2014	6D	Hrê	Thôn Nước Lác, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ					936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	

TT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Nơi thường trú: Thôn (xã trước khi sắp nhập), Xã mới, Quảng Ngãi	Đội tượng hưởng		Con hộ nghèo (1)	Ở bán trú trong trường (1)	Tiền án Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Tiền ở Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /tháng (kg)	Số tháng	Tiền án Được hỗ trợ/Năm (Đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/ năm (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /năm (kg)	Ghi Chú
							Nhà ở xa trường (1)	nhà ở địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn (1)										
24	Đinh Thị Hảo	x	07/08/2014	6C	Hrê	Thôn Bỏ Nung, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1	1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
25	Đinh Thị Cúc Hoa	x	30/08/2014	6C	Hrê	Thôn Bỏ Nung, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
26	Đinh Thị Bích Hưu	x	05/03/2014	6C	Hrê	Thôn Bỏ Nung, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
27	Đinh Văn Khỏe		23/03/2013	6C	Hrê	Thôn Bỏ Nung, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
28	Đinh Hoàng Yến Linh	x	24/09/2014	6C	Hrê	Thôn Bỏ Nung, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
29	Đinh Thị Hà Nam	x	03/09/2014	6C	Hrê	Thôn Bỏ Nung, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1	1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
30	Đinh Thị Nga	x	04/10/2014	6C	Hrê	Thôn Bỏ Nung, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
31	Đinh Thị Như Quỳnh	x	17/08/2014	6C	Hrê	Thôn Bỏ Nung, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
32	Đinh Thị Bảo Trâm	x	10/08/2014	6C	Hrê	Thôn Bỏ Nung, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1	1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
33	Đinh Thị Minh Trúc	x	06/05/2014	6C	Hrê	Thôn Bỏ Nung, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
34	Nguyễn Lê Quang vũ		23/06/2014	6C	Kinh	Thôn Bỏ Nung, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
35	Đinh Thanh Vương		07/08/2014	6C	Hrê	Thôn Bỏ Nung, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
36	Đinh Minh Tú		16/02/2014	6C	Hrê	Thôn Bỏ Nung, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
37	Đinh Tuấn Cường		31/5/2014	6C	Hrê	Thôn Lăng Tráng, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
38	Đinh Thị Ngọc Hằng	x	7/11/2014	6C	Hrê	Thôn Lăng Tráng, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
39	Đinh Huy Hoàng		23/11/2014	6C	Hrê	Thôn Lăng Tráng, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
40	Võ Thị Minh Nguyệt	x	25/5/2014	6C	Kinh	Thôn Lăng Tráng, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
41	Phạm Trần Gia Huy		24/09/2014	6C	Kinh	Thôn Bỏ Nung, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
42	Đinh A Danh		23/7/2014	6D	Hrê	Thôn Nước Lác, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
43	Đinh Thị Dung	x	27/11/2014	6D	Hrê	Thôn Tả Bắc, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1	1	1	936.000		15	9	8.424.000	-	135	
44	Đinh Thị Mỹ Dung	x	29/12/2014	6D	Hrê	Thôn Nước Lác, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ					936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	

TT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Nơi thường trú: Thôn (xã trước khi sáp nhập), Xã mới, Quảng Ngãi	Đối tượng hưởng		Ở bản trú trong trường (l)	Tiền an Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Tiền ở Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /tháng (kg)	Số tháng	Tiền an Được hỗ trợ/Năm (Đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/năm (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /năm (kg)	Ghi Chú
							Nhà ở xa trường (l)	nhà ở Địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn (l)	Con hộ nghèo (l)								
03	Đinh Thị Mân	x	29/09/2014	6A	Hrê	Thôn Lăng Tráng, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
04	Đinh Hồng Ngụy		10/09/2014	6A	Hrê	Thôn Lăng Tráng, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
05	Đinh Văn Quân		01/11/2013	6A	Hrê	Thôn Lăng Tráng, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
06	Đinh Nhất Tài		04/03/2014	6A	Hrê	Thôn Lăng Tráng, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
07	Đinh Văn Thủ		27/10/2014	6A	Hrê	Thôn Lăng Tráng, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
08	Võ Đức Trung		06/06/2014	6A	Kinh	Thôn Ka Khu, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
09	Đinh Tân Tuấn		24/04/2014	6A	Hrê	Thôn Bồ Nưng, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
10	Đinh Đại Dương		18/07/2014	6B	Hrê	Thôn Bồ Nưng, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
11	Đặng Trần Gia Đạt		15/04/2014	6B	Kinh	Thôn Di Hoàng, (Xã Sơn Ba) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
12	Đinh Văn Hà		12/05/2013	6B	Hrê	Thôn Bồ Nưng, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
13	Đinh Minh Hoàng		08/07/2014	6B	Hrê	Thôn Lăng Tráng, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
14	Nguyễn Thị Thanh Huyền	x	28/01/2014	6B	Kinh	Thôn Bồ Nưng, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
15	Đinh Văn Kéo		10/08/2014	6B	Hrê	Thôn Lăng Tráng, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
16	Đinh Ngọc Lăng	x	24/11/2014	6B	Hrê	Thôn Tà Com, (Xã Sơn Thủy) Xã Sơn Thủy		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
17	Đinh Phạm Nhã Linh	x	19/06/2014	6B	Hrê	Thôn Tà Bù, (Xã Sơn Thủy), Xã Sơn Thủy		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
18	Đinh Thị Kiều Oanh	x	11/10/2014	6B	Hrê	Thôn Bồ Nưng, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
19	Đinh Thị Kiều Tiên	x	28/10/2014	6B	Hrê	Thôn Lăng Tráng, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
20	Đinh Thị Chánh		17/06/2014	6C	Hrê	Thôn Bồ Nưng, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
21	Đinh Thị Yến Chi	x	13/03/2014	6C	Hrê	Thôn Bồ Nưng, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1	1	936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
22	Đinh Minh Chuyển		16/11/2014	6C	Hrê	Thôn Bồ Nưng, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
23	Đinh Thị Diệp	x	27/05/2014	6C	Hrê	Thôn Bồ Nưng, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	

TT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Nơi thường trú: Thôn (xã trước khi sáp nhập), Xã mới, Quảng Ngãi	Đối tượng hưởng		Ở bán trú trong trường (1)	Tiền ăn Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Tiền ở Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /tháng (kg)	Số tháng	Tiền ăn Được hỗ trợ/Năm (Đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/năm (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /năm (kg)	Ghi Chú	
							Nhà ở xã trường (1)	nhà ở Địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn (1)										
376	Đinh Thị Minh Diệu	X	10/06/2008	12C9	Hrê	Thôn Xã Riêng (Xã Sơn Nham), Xã Sơn Hà	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135		
377	Đinh Thị Nhà Ka	X	26/12/2008	12C9	Hrê	Thôn Lang Trá (Xã Sơn Cao), Xã Sơn Linh	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135		
378	Đinh Thị Kỳ	X	25/03/2008	12C9	Hrê	Thôn Bồ Nưng (Xã Sơn Linh), Xã Sơn Linh	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135		
379	Đinh Thị Lệ Na	X	25/10/2008	12C9	Hrê	Thôn Càn Sơn (Xã Sơn Nham), Xã Sơn Hà	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135		
380	Đinh Thị Nguyệt	X	12/12/2008	12C9	Hrê	Thôn Bàu Sơn (Xã Sơn Nham), Xã Sơn Hà	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135		
381	Đinh Na Ở		22/08/2008	12C9	Hrê	Thôn Làng Rí (Xã Sơn Giang), Xã Sơn Linh	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135		
382	Đinh Sang Pha		21/01/2008	12C9	Hrê	Thôn Làng Lũng (Xã Sơn Giang), Xã Sơn Linh	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135		
383	Đinh Thị Su Sang	X	01/07/2008	12C9	Hrê	Thôn Càn Sơn (Xã Sơn Nham), Xã Sơn Hạ	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135		
384	Đinh Minh Thim		03/03/2008	12C9	Hrê	Thôn Ka La (Xã Sơn Linh), Xã Sơn Linh	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135		
385	Đinh Minh Thuận		22/04/2008	12C9	Hrê	Thôn Canh Mỏ (Xã Sơn Nham), Xã Sơn Hà	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135		
386	Đinh Thị Thương	X	17/05/2008	12C9	Hrê	Thôn Bàu Sơn (Xã Sơn Nham), Xã Sơn Hạ	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135		
387	Đinh Văn Thứ		10/01/2008	12C9	Hrê	Thôn Ka La (Xã Sơn Linh), Xã Sơn Linh	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135		
388	Đinh Huyền Xuân	x	28/02/2008	12C9	Hrê	Thôn Làng Ghe (Xã Sơn Linh), Xã Sơn Linh	1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135		
8	Trường THCS và THPT Phạm Kiệt (688 học sinh)						84	604	21	34	936.000	360.000	15	9	5.795.712.000	2.118.960.000	92.880	
01	Đinh Thị Di	x	06/09/2014	6A	Hrê	Thôn Nước Lác, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ		1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135		
02	Trần Thảo Huyền	x	24/06/2014	6A	Kinh	Thôn Bồ Nưng, (Xã Sơn Kỳ) Xã Sơn Kỳ				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135		